

BỘ CÔNG THƯƠNG

Chuyên san

THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

Số Quý II/2021





Đơn vị thực hiện:

Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ
Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ liên hệ:

655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tel: (024) 37152585
Fax: (024) 37152574

03 TỔNG QUAN

04-07 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

- Chi phí vận tải tăng khiến hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn
- Tiềm năng phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới Việt Nam – EU

08-31 THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

- Quý II/2021, nhiều ngành hàng tiêu dùng tiếp tục tận dụng tốt ưu đãi từ Hiệp định EVFTA
- Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang EU tiếp tục đà hồi phục trong 6 tháng đầu năm 2021
- EVFTA tăng thêm lợi thế cạnh tranh xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện
- Hoạt động thương mại giữa Việt Nam – Hà Lan đạt kết quả khả quan nhờ EVFTA
- Hiệp định EVFTA - yếu tố hỗ trợ để hàng hóa của Việt Nam tăng khả năng cạnh tranh tại Bỉ
- Hiệp định EVFTA sẽ là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Ba Lan

32 THÔNG TIN CHÍNH SÁCH

34-38 THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

- Một vài nét đáng chú ý về tình hình kinh tế EU trong quý II/2021
- Thương mại của EU với thị trường ngoại khối tăng mạnh trong 5 tháng đầu năm 2021

39 THÔNG TIN THƯƠNG VỤ

- Thương vụ Việt Nam tích cực cùng hành trình đưa trái vải đến tay người tiêu dùng châu Âu





TỔNG QUAN

Trong quý II/2021, kinh tế Liên minh châu Âu (EU) hồi phục rõ nét trong bối cảnh các biện pháp hỗ trợ nền kinh tế cũng như việc đẩy mạnh tiêm chủng vaccine đã đem lại những hiệu quả tích cực, khiến hàng loạt quốc gia nói lớn các biện pháp kiểm soát đại dịch và niềm tin của người tiêu dùng đã có sự cải thiện mạnh mẽ. Theo Eurostat, GDP của toàn khối EU trong quý II/2021 tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước và tăng 1,9% so với quý trước. Trong đó, kinh tế khu vực Eurozone đạt mức tăng tương ứng 13,7% và 2% - vượt xa mức dự báo tăng 1,5% được đưa ra trước đó. Trong báo cáo cập nhật về Triển vọng Kinh tế thế giới được đưa ra trong tháng 7/2021, IMF đã nâng dự báo tăng trưởng của khu vực Eurozone trong năm 2021 lên 4,6%, cao hơn so với mức dự báo đạt 4,4% trong báo cáo tháng 4/2021.

Xu hướng hồi phục tích cực của kinh tế EU trong thời gian qua là yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong quý II/2021, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU đạt 14,02 tỷ USD, tăng 2,8% so với quý I/2021, đưa tổng kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và EU trong 6 tháng đầu năm 2021 lên 27,67 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường

EU quý II/2021 đạt 9,76 tỷ USD, tăng 1,2% so với quý I/2021. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU đạt 19,4 tỷ USD, tăng 18,3% so với 6 tháng đầu năm 2020 và tăng 9,6% so với 6 tháng đầu năm 2019. Với sự tăng tốc của xuất khẩu, trong 6 tháng qua, Việt Nam đã xuất siêu sang thị trường EU 11,1 tỷ USD, tăng 18% so với mức xuất siêu của 6 tháng đầu năm 2020.

Trong những tháng cuối năm 2021, tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại các tỉnh phía Nam kể từ đầu tháng 7/2021 sẽ khiến tiến độ sản xuất và xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trong nước bị ảnh hưởng đáng kể. Về phía thị trường EU, mặc dù đã đạt được một số tín hiệu tích cực, nhưng nhìn chung kinh tế EU vẫn còn nhiều thách thức phía trước cần phải tập trung ứng phó, nhất là trong bối cảnh đại dịch Covid-19 có nguy cơ tăng cao trở lại. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp tại EU mặc dù đã cải thiện nhưng vẫn ở mức cao, giá năng lượng tăng đột biến và sức ép lên lạm phát. Ngoài ra, chi phí vận tải tăng lên những mức cao kỷ lục cũng gây khó khăn đến hoạt động thương mại của các doanh nghiệp. Do đó, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU từ nay đến cuối năm 2021 nhiều khả năng tiếp tục phục hồi, nhưng mức độ phục hồi vẫn khó dự đoán trước những diễn biến khó lường của đại dịch Covid-19. ◀

Một số thông tin đáng chú ý:

Ủy ban châu Âu (EC) ban hành kết luận cuối cùng đột rà soát cuối kỳ biện pháp tự vệ đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu.

Ủy ban châu Âu (EC) đã ban hành Quy định thực thi mới số 2021/1165 (Commission Implementing Regulation (EU) 2021/1165) về việc ban hành danh mục các sản phẩm, các chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ.

Theo số liệu từ Eurostat, trong 5 tháng đầu năm 2021, EU ghi nhận thặng dư thương mại với thị trường ngoại khối đạt 81,5 tỷ USD, tăng so với mức thặng dư 65,1 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm 2020.

CHI PHÍ VẬN TẢI TĂNG KHIẾN HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU CỦA CÁC DOANH NGHIỆP GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN



Trong những năm gần đây, kim ngạch xuất, nhập khẩu bằng đường biển chiếm khoảng 50 - 60% trong thương mại hàng hóa giữa Việt Nam với EU và dự kiến quy mô sẽ tiếp tục được mở rộng trong thời gian tới nhờ việc tận dụng hiệu quả các cam kết thuế quan trong Hiệp định EVFTA.

Tuy nhiên, từ đầu năm 2021 đến nay, bên cạnh những ảnh hưởng tiêu cực trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, thương mại giữa Việt Nam với thị trường EU cũng gặp rất nhiều khó khăn trong bối cảnh hoạt động vận tải biển gặp hàng loạt trở ngại, kéo theo giá cước vận tải tăng rất cao khiến các doanh nghiệp bị tăng chi phí, hao hụt lợi nhuận, giá hàng hóa bị đẩy lên cao. So với thời điểm trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát vào năm 2020, đặc biệt là từ giai đoạn cuối năm 2020, giá cước container từ châu Á tới châu Âu đã bị đẩy tăng rất mạnh và hiện chưa có tín hiệu hạ nhiệt. Diễn biến này đang trở thành một trong những thách thức rất lớn với doanh nghiệp trong nước ở cả chiều xuất khẩu và nhập khẩu với thị trường EU.

Theo số liệu từ Công ty tư vấn Drewry World đo lường chỉ số vận tải Drewry World Container Index - tổng hợp cước vận tải của 8 tuyến đường biển chính, giá cước vận chuyển một container cỡ 40 feet chứa hàng từ Thượng Hải (Trung Quốc) đến Rotterdam (Hà Lan) đã lên tới trên 13.000 USD vào cuối tháng 7/2021, tăng mạnh gấp 6,5 lần (tương đương tăng 550%) so với mức 2.000 USD thời điểm đầu năm 2020 và tăng gấp 5,2 lần (tương đương tăng 423%) so với mức giá bình quân 2.486 USD trong giai đoạn 5 năm gần đây. Đây là mức cước vận chuyển cao kỷ lục từ năm 2011 đến nay trong bối cảnh thiếu container, hạn chế năng lực vận chuyển, tắc nghẽn cảng và bùng nổ nhu cầu hàng hóa do thương mại toàn cầu gia tăng.

Chặng	29/7/2020 (USD)	15/7/2021 (USD)	29/7/2021 (USD)	So sánh (%)	
				So với giữa tháng 7/2021	So với cùng kỳ năm trước
Chỉ số tổng hợp	1.994	8.883	9.330	5,03	368
Thượng Hải (Trung Quốc) - Rotterdam (Hà Lan)	1.804	12.954	13.352	3,07	640
Rotterdam - Thượng Hải	1.179	1.740	1.710	-1,72	45
Thượng Hải - Genoa (Italia)	1.978	12.685	12.761	0,60	545
Thượng Hải - Los Angeles (Hoa Kỳ)	2.934	9.733	10.503	7,91	258
Los Angeles - Thượng Hải	514	1.358	1.408	3,68	174
Thượng Hải - New York	3.359	11.825	13.434	13,61	300
New York – Rotterdam	558	1.185	1256	5,99	125
Rotterdam - New York	2.214	5.362	5624	4,89	154

Nguồn: Drewry

Thực tế, vận tải biển với thị trường EU đã bị gián đoạn nhiều lần trong năm nay. Đầu tiên là tình trạng thiếu hụt container, dòng hàng hoá bị tắc nghẽn, chi phí vận tải đội giá khi nhu cầu mua sắm tăng lên ở các nền kinh tế hồi phục hậu Covid-19. Biến động về giá cước do ảnh hưởng bởi Covid-19 khiến việc giải phóng hàng và quay vòng container rộng bị kéo dài. Thêm vào đó, lượng hàng xuất đi châu Âu và Hoa Kỳ tăng đột biến, dẫn tới thiếu container rỗng đồng hàng.

Trong tuần cuối tháng 3, đầu tháng 4/2021, dòng vận chuyển hàng hoá tiếp tục bị tắc nghẽn do một trong những tàu chở container lớn nhất thế giới gặp sự cố, mắc kẹt tại kênh đào Suez. Sự kiện này gây tác động rất lớn bởi đây là tuyến đường biển nhộn nhịp, với khoảng 12% tổng giá trị hàng hoá thương mại toàn cầu đi qua.

Mới đây nhất, trong hai tuần đầu tháng 7/2021, các trận lũ lụt tại hàng loạt quốc gia châu Âu tiếp tục ảnh hưởng nghiêm trọng đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Mưa lớn và lũ lụt đã tàn phá nhiều vùng ở Tây Âu, trong đó, Đức và Bỉ bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất. Nhiều vùng của Thụy Sĩ, Luxembourg và Hà Lan cũng bị tác động. Nhiều đoạn đường sạt tại Hagen, thành phố nằm ở phía Tây nước Đức, cũng bị phá huỷ. Các tuyến đường sắt xuất phát từ Cộng hòa Séc và Slovakia tới các cảng biển Rotterdam

và Hamburg bị “chia cắt” nghiêm trọng. Thêm vào đó là tình trạng khó khăn trong việc huy động các phương tiện cơ giới phục vụ công tác vận chuyển hàng hoá. Diễn biến này đang làm trầm trọng thêm sức ép đối với ngành công nghiệp vận tải toàn cầu nói chung và vận tải biển từ Á sang Âu nói riêng vốn đã chịu nhiều căng thẳng trong nhiều tháng qua.

Đối với các doanh nghiệp Việt Nam, khi cước vận tải biển tăng, không còn cách nào khác, doanh nghiệp vẫn phải thuê tàu vận chuyển hàng cho các đơn đặt hàng đã ký. Khủng hoảng của ngành vận tải biển trong giai đoạn vừa qua đã bộc lộ thế yếu của Việt Nam khi thị phần tàu container vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đi EU, Hoa Kỳ, Australia chủ yếu do các doanh nghiệp nước ngoài nắm giữ. Hiện chiếm tới 90% hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vẫn phụ thuộc vào hàng tàu nước ngoài, 10% còn lại hoạt động chủ yếu trên các tuyến ngắn như Đông Nam Á và Đông Bắc Á. Vì vậy, quyền thuê tàu và chi trả giá cước vận tải thuộc về đối tác nước ngoài nên doanh nghiệp Việt Nam luôn ở thế bị động khi doanh nghiệp vận tải tăng giá cước vận tải biển do không thể tác động vào giá của chuỗi vận tải quốc tế.

Nhiều đơn hàng, doanh nghiệp đã sản xuất ra sản phẩm, nhưng không thể xuất khẩu được vì không thuê được container rỗng, làm phát sinh rất nhiều

chi phí như chi phí lưu kho, lưu bãi, lãi suất ngân hàng... Ngoài ra, nếu không thể giao hàng đúng hạn thì doanh nghiệp sẽ chịu các khoản phạt, thường từ 5 - 10% giá trị của lô hàng. Thực trạng này đang gây sức ép rất lớn trong việc đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp sang các thị trường cần vận tải đường dài như EU.

Cùng với sức ép đến từ thị trường vận tải toàn cầu, các doanh nghiệp Việt Nam cũng gặp rất nhiều khó khăn đến từ các yếu tố trong nước. Theo đó, đại dịch Covid-19 bùng phát khiến hàng loạt các địa phương trên cả nước buộc phải áp dụng giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ. Diễn biến này khiến hoạt động tại nhiều cảng biển, đặc biệt là các cảng biển phía Nam bị đình trệ, gián đoạn hoạt động. Đơn cử như tại cảng Cát Lái, tính đến thời điểm cuối tháng 7/2021, lượng container tồn bãi tại cảng Cát Lái đã chạm ngưỡng 100% công suất, nhân sự làm việc giảm một nửa, dẫn tới lượng hàng tồn tại cảng Cát Lái tăng cao, ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu nguyên liệu phục vụ cho sản xuất, xuất khẩu hàng hóa.

Những yếu tố này đã và đang tác động nghiêm trọng và sẽ tiếp tục là một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam nói chung cũng như xuất khẩu sang thị trường EU nói riêng trong những tháng tiếp theo. ◀

TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ XUYÊN BIÊN GIỚI VIỆT NAM – EU

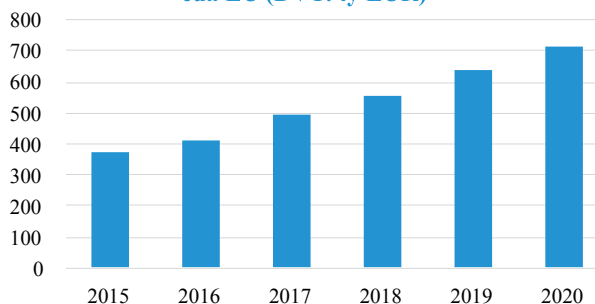


Thương mại điện tử (TMDT) xuyên biên giới được phát triển trên nền tảng thương mại quốc tế truyền thống kết hợp với thương mại điện tử. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng 4.0, TMDT xuyên biên giới đang nhanh chóng trở thành nhân tố cốt lõi của nền kinh tế toàn cầu và là xu hướng tất yếu mà không một quốc gia nào có thể đứng ngoài cuộc. TMDT giúp người tiêu dùng thông qua internet để mua sắm tại các thị trường quốc tế và trở thành “người tiêu dùng toàn cầu”. Đồng thời, giúp cho các doanh nghiệp dễ dàng hơn khi giới thiệu và giao sản phẩm của mình đến tay khách hàng quốc tế.

TMDT xuyên biên giới rất phổ biến ở châu Âu. Gần đây, trong bối cảnh đại dịch Covid-19, hoạt động giao dịch mua bán hàng hóa qua kênh TMDT tăng vọt trên thế giới và EU cũng không ngoại lệ. Người dân EU không chỉ mua hàng hóa và dịch vụ trực tuyến trong nước mà còn mua hàng từ nước thành viên EU khác cũng như từ các quốc gia ngoài lãnh thổ EU. Người tiêu dùng đánh giá cao các ưu điểm của TMDT như: sự tiện lợi khi có thể mua sắm mọi lúc mọi nơi, tiếp cận với nhiều loại sản phẩm hơn, so sánh giá cả và chia sẻ ý kiến của họ về hàng hóa với những người tiêu dùng khác và đặc biệt là kênh mua sắm hiệu quả trong điều kiện hạn chế bởi dịch bệnh.

Theo E-commerce News Europe, doanh thu của ngành TMDT ở châu Âu tăng từ 636 tỷ EUR vào năm 2019 lên 717 tỷ EUR vào năm 2020, tăng 12,72%, ít hơn mức tăng trưởng 14,22% của năm 2019, nguyên nhân chủ yếu do đại dịch COVID-19 ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng. Phần lớn doanh thu trực tuyến vẫn chiếm đa số ở Tây Âu, khoảng 70% tổng doanh thu bán lẻ trực tuyến của châu Âu. Nam Âu, Bắc Âu, Trung Âu và Đông Âu sở hữu thị phần thương mại điện tử thấp hơn nhiều, lần lượt là 15%, 7%, 6% và 1%.

Doanh thu Thương mại điện tử của EU (ĐVT: tỷ EUR)



Nguồn: E-commerce News Europe

Theo một cuộc khảo sát tiến hành năm 2020, Eurostat ước tính tỷ lệ người mua sắm trực tuyến độ tuổi từ 16 - 74 chiếm 65% tại EU, với Đan Mạch có tỷ lệ cao nhất (89%) và Hungary thấp nhất (31%). 73% số người sử dụng internet tại EU có giao dịch mua sắm hoặc đặt hàng trực tuyến; trong đó tỷ lệ nam giới cao hơn một chút so với nữ giới (tương ứng là 73% và 71%) và những người ở độ tuổi từ 25 - 34 là nhóm người mua sắm trực tuyến tích cực nhất so với các nhóm tuổi khác. Nhóm hàng hóa được mua sắm trực tuyến phổ biến nhất là các mặt hàng quần áo, giày dép hoặc phụ kiện (63% người mua sắm trực tuyến); tiếp theo là đồ nội thất, phụ kiện gia đình hoặc sản phẩm làm vườn (29%); dịch vụ giao hàng từ nhà hàng, chuỗi cửa hàng ăn nhanh, dịch vụ ăn uống (28%); phẩm, sản phẩm làm đẹp hoặc chăm sóc sức khỏe (27%); sách báo, tạp chí (26%); máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động hoặc linh kiện (26%). Đa số những



người mua sắm trực tuyến mua hàng từ các nhà cung ứng trong nước (88%); 31% mua hàng từ các nước EU khác và 22% mua hàng từ ngoài EU. Top các thương hiệu bán lẻ trực tuyến xuyên biên giới tại châu Âu phải kể đến: Ikea; H&M; Pandora; Smyths Toys; Lego; Nespresso; Expert; Cos; Swarovski; Zara...

Thương mại điện tử xuyên biên giới Việt Nam – EU đang có nhiều cơ hội phát triển

Thích ứng với xu hướng chung của thế giới, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19, TMĐT tại Việt Nam trong những năm gần đây đã có bước phát triển tích cực và trở thành một trong những quốc gia có mức tăng trưởng TMĐT nhanh nhất thế giới với tốc độ 35% mỗi năm.

Trong khi thương mại điện tử xuyên biên giới đang ngày một thịnh hành và phát triển mạnh mẽ tại châu Âu, doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là những doanh nghiệp xuất khẩu vừa và nhỏ sẽ có cơ hội thành công trên thị trường này nếu tiếp cận một cách bài bản và xây dựng một chiến lược dài hạn. Vừa qua, trong khuôn khổ triển khai Chương trình hợp tác hỗ trợ doanh nghiệp khai thác Hiệp định EVFTA bằng nền tảng thương mại điện tử giữa Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công Thương và Viện Khoa học quản trị doanh nghiệp và kinh tế số Việt Nam (VIDEM), sàn TMĐT doanh nghiệp Việt Nam – EU (VEFTA) đã được chính thức ra mắt đáp ứng nhu cầu kinh doanh, giao thương hàng hóa giữa Việt Nam và EU. Khi hoàn thiện, sàn TMĐT này có khả năng đầu nối trực tiếp với các sàn thương mại điện tử sản

có của các tỉnh, thành phố, các ngành hàng, từ đó xây dựng một cơ sở dữ liệu quốc gia về hồ sơ năng lực, minh bạch hóa nguồn gốc xuất xứ thông tin sản phẩm dịch vụ của các doanh nghiệp Việt Nam.

Thực tế, hiện nay các giao dịch TMĐT của Việt Nam sang EU còn đang sơ khởi. Nhưng tin mừng là gần đây các doanh nghiệp Việt Nam đã có những thành công ban đầu khi bắt đầu xây dựng được mô hình kinh doanh TMĐT xuyên biên giới của mình tại EU. Vừa qua 3 tấn vải thiều đầu tiên đã được nhập khẩu sang Đức qua sàn thương mại điện tử Voso. Đây là chương trình hợp tác giữa Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công Thương với Sàn thương mại điện tử Voso và Tổng công ty Bưu chính Viettel (Viettel Post) để từng bước phát triển ứng dụng thương mại điện tử xuyên biên giới cho doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam.

EU đã thành lập Hệ thống IOSS (Import One-Stop Shop - tạm dịch là thủ tục nhập khẩu một cửa) để thông quan hàng hóa với những giao dịch thương mại điện tử có giá trị từ 150 EUR trở xuống. Để bán hàng trực tuyến vào EU, bất kỳ nhà bán hàng online, sàn giao dịch thương mại điện tử nào đều phải đăng ký kinh doanh ở một nước thành viên EU và chỉ định một đối tác tại nước EU đó để làm các thủ tục khai báo và nộp thuế theo quy định. Các doanh nghiệp Việt Nam muốn phát triển bán hàng online hoặc qua sàn giao dịch TMĐT tới người tiêu dùng EU cần đăng ký kinh doanh ở một nước EU và nên khai báo các giao dịch theo trang web IOSS của từng nước thành viên. Nếu nhà cung ứng thương mại điện tử không có trụ sở tại một nước EU thì cần phải chỉ định một đại diện đăng ký tại EU để thực hiện các thủ tục và nghĩa vụ thuế GTGT. ◀



NHIỀU NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG TIẾP TỤC TẬN DỤNG TỐT ƯU ĐÃI TỪ **HIỆP ĐỊNH EVFTA**

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, quý II/2021 kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU đạt 14,02 tỷ USD, tăng 2,8% so với quý I/2021 và tăng 21,8% so với quý II/2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và EU đạt 27,67 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2020.

Nhìn chung, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU đã ghi nhận sự tăng trưởng tốt, ngay cả so với thời kỳ trước đại dịch. Mức tăng trưởng khả quan được nhận định có vai trò hỗ trợ đáng kể từ Hiệp định EVFTA, đặc biệt trong bối cảnh thị trường diễn biến phức tạp, khó lường. Trong đó, tăng trưởng nhập khẩu cao hơn tăng trưởng xuất khẩu khiến suất siêu của Việt Nam sang EU trong quý II/2021 giảm so với quý I/2021, nhưng vẫn tăng mạnh so với mức 4,48 tỷ USD của cùng kỳ năm 2020. Nhưng tính chung 6 tháng đầu năm 2021, xuất siêu của Việt Nam vẫn tăng 18% so với cùng kỳ năm 2020, ở mức 11,1 tỷ USD.

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU được nhận định có nhiều tiến triển thuận lợi khi các doanh nghiệp ngày càng có kinh nghiệm hơn trong việc tận dụng các ưu đãi từ Hiệp định EVFTA. Theo thống kê của Cục Xuất nhập khẩu, kể từ khi EVFTA có hiệu lực, tỷ lệ tận dụng mẫu C/O EUR1 đạt 29,09% trong tổng số kim ngạch xuất khẩu.

Kim ngạch thương mại 2 chiều Việt Nam - EU

	Quý II/2021 (triệu USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)	So với 6 tháng đầu năm 2020 (%)
Thương mại 2 chiều	14.025	2,8	21,8	27.666	18,4
Xuất khẩu	9.761	1,2	22,0	19.411	18,3
Nhập khẩu	4.263	6,8	21,3	8.255	18,6
Cán cân thương mại	5.498	-2,8	22,6	11.156	18,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

VỀ XUẤT KHẨU

Quý II/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU đạt 9,76 tỷ USD, tăng 1,2% so với quý I/2021 và tăng 22% so với quý II/2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU đạt 19,4 tỷ USD, tăng 18,3% so với 6 tháng đầu năm 2020 và tăng 9,6% so với 6 tháng đầu năm 2019.

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang phần lớn các thị trường lớn trong khối EU đã phục hồi mạnh về mức trước đại dịch, thậm chí nhiều thị trường còn tăng trưởng tốt hơn so với mức trước khi dịch bùng phát. Đức và Hà Lan vẫn là 2 thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất của Việt Nam trong khối EU, với kim ngạch lần lượt đạt 3,59 tỷ USD (tăng 9,1%) và 3,88 tỷ USD (tăng 20,2%). Một số thị trường có mức tăng trưởng ấn tượng như một số nước Đông Âu, Phần Lan... Tuy nhiên, xuất khẩu sang một số thị trường như Pháp, Áo, Thụy Điển... giảm do mức độ phục hồi kinh tế và nhu cầu tiêu dùng của các nước trong khu vực không đồng đều.

Thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang khối EU quý II và 6 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021	So với 6 tháng đầu năm 2020 (%)
Đức	1.899.918	12,0	18,3	3.595.533	9,1
Hà Lan	1.974.341	3,3	22,8	3.885.396	20,2
Bỉ	957.286	27,3	66,1	1.709.165	51,6
Italia	877.473	-8,3	25,6	1.834.362	25,9
Pháp	767.348	-4,2	-4,4	1.568.044	-0,4
Tây Ban Nha	547.017	-3,2	24,9	1.111.837	12,4
Áo	548.127	-35,2	-7,6	1.393.681	-2,1
Ba Lan	533.699	-1,3	49,3	1.074.308	44,7
Slovakia	315.387	9,3	39,9	603.930	46,9
Thụy Điển	267.382	-1,2	-2,6	537.932	-5,1
Bồ Đào Nha	113.292	-13,4	54,7	244.046	47,7
Slovenia	120.248	43,1	105,4	204.268	71,2
Cộng Hoà Séc	139.329	5,8	33,9	271.001	41,8
Hungary	141.683	-21,3	-15,5	321.801	3,0
Phần Lan	81.197	-7,0	66,0	168.469	110,9
Đan Mạch	97.809	16,2	46,8	181.981	29,2
Ai Len	69.933	64,0	116,9	112.585	78,0
Hý Lạp	78.556	-10,3	56,9	166.111	37,8
Látvia	46.880	-13,7	35,1	101.200	15,6
Rumani	54.520	30,6	-25,5	96.260	-21,5
Bungari	32.691	47,0	108,1	54.931	92,4
Lítva	37.127	69,9	46,9	58.985	13,3
Luxembua	26.914	20,7	64,7	49.208	65,3
Croatia	12.440	-16,1	-24,9	27.263	-13,7
Síp	9.277	19,2	-12,4	17.059	-8,1
Estonia	8.408	-1,2	-62,6	16.917	-42,0
Manta	3.167	79,7	51,7	4.930	22,4
Tổng	9.761.448	1,2	22,0	19.411.205	18,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Về mặt hàng:

Quý II/2021, do tác động của dịch Covid-19, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng của Việt Nam sang thị trường EU giảm so với quý I/2021, nhưng vẫn tăng so với cùng kỳ năm 2020.

Trong quý II/2021, xuất khẩu điện thoại các loại, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện sang thị trường EU bị tác động bởi đợt dịch bùng phát tại tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh. Theo thống kê, kim ngạch xuất khẩu điện thoại các loại quý II/2021 giảm 30% so với quý I/2021 và giảm 19,1% so với quý II/2020; kim ngạch xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 1,47 tỷ USD, chỉ tăng 1,9% so với quý I/2021, nhưng vẫn tăng 22,1% so với quý II/2020; xuất khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng quý II/2021 giảm 17% so với quý I/2021, nhưng vẫn tăng 55,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Các doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng như giày dép, thủy sản, sắt thép các loại, chất dẻo nguyên liệu tiếp tục tận dụng tốt những ưu đãi về thuế quan từ Hiệp định EVFTA trong quý II/2021.

Đáng chú ý, xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường EU trong quý II/2021 tăng 27,3% so với quý I/2021 và tăng 25,8% so với quý II/2020, đạt 847,6 triệu USD, phục hồi mạnh so với mức tăng 3,1% của quý I/2021 so với cùng kỳ năm 2020.

Sản phẩm mây, tre, cói và thảm là một trong những nhóm sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU có mức tăng trưởng cao trong quý II/2021, tăng 35,2% so với quý I/2021 và tăng 124,5% so với quý II/2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đạt 104,13 triệu USD, tăng 68,7% so với cùng kỳ năm 2020. Đây là một trong những mặt hàng được ưu đãi thuế quan từ Hiệp định EVFTA khi thuế suất đối với tất cả các dòng sản phẩm đều về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Theo đó, thuế đối với nhóm sản phẩm mây, tre, cói nhập khẩu vào EU từ Việt Nam được giảm từ mức 1,7 – 4,7% đối với tùy từng dòng sản phẩm được giảm về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực; thuế đối với nhóm sản phẩm thảm các loại (mã HS 57) được giảm từ mức 3 – 8% về 0%.

Xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường EU quý II/2021 khởi sắc khi tăng 24,9% so với quý I/2021 và tăng 12,3% so với quý II/2020, đạt 40,57 triệu USD. Quý I/2021 kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường EU giảm 5,3%. Nhìn chung, EU vẫn là thị trường nhiều tiềm năng đối với mặt hàng trái cây của Việt Nam. Nhu cầu nhập khẩu một số loại trái cây đặc sản nhiệt đới như quả vải, chanh leo, mít... của EU đang ngày càng tăng. Trong tháng 6/2021, những lô vải thiều Thanh Hà đầu tiên đã được xuất khẩu sang thị trường châu Âu theo Hiệp định EVFTA và thông đường vào các hệ thống phân phối tại EU. Tuy nhiên, do hệ thống kiểm dịch động thực vật và an toàn vệ sinh thực phẩm ở các nước châu Âu hết sức khắt khe, các doanh nghiệp cần kiểm soát chặt chẽ chất lượng, truy xuất nguồn gốc, quản lý vùng trồng và áp dụng công nghệ hiện đại trong xử lý sau thu hoạch đảm bảo trái cây tươi lâu mà vẫn đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn nhập khẩu của EU.

Mặt hàng xuất khẩu sang thị trường EU quý II và 6 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Điện thoại các loại và linh kiện	1.393.263	-30,0	-19,1	3.384.012	-19,0
Giày dép các loại	1.309.042	22,5	37,6	2.377.970	28,2
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1.467.774	1,9	22,1	2.907.971	29,5
Hàng dệt, may	847.608	27,3	25,8	1.513.597	14,7
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	934.171	-17,0	55,8	2.059.909	62,7
Sắt thép các loại	319.198	16,3	664,3	593.756	615,5
Hàng thủy sản	280.192	56,5	33,3	459.232	18,9
Cà phê	244.833	-8,7	-8,6	513.058	-17,2
Hạt điều	196.924	68,6	3,3	313.698	-7,4
Sản phẩm từ sắt thép	177.049	-8,1	30,7	369.604	51,0
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	209.941	23,6	4,4	379.841	-0,8

Mặt hàng	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Phương tiện vận tải và phụ tùng	215.743	-15,7	59,8	471.776	43,7
Gỗ và sản phẩm gỗ	156.041	-11,6	65,8	332.544	36,1
Sản phẩm từ chất dẻo	144.475	12,6	29,7	272.837	26,0
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	79.512	-1,1	-28,3	159.919	-15,9
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	59.861	35,2	124,5	104.126	68,7
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	53.138	18,0	17,2	98.176	14,5
Cao su	33.004	-15,3	184,0	71.992	115,8
Hàng rau quả	40.568	24,9	12,3	73.059	3,2
Sản phẩm từ cao su	47.304	-1,2	61,6	95.193	74,6
Hạt tiêu	43.159	113,2	70,4	63.398	42,6
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	31.045	17,3	30,1	57.514	17,3
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	18.367	16,0	107,5	34.195	50,7
Sản phẩm gốm, sứ	18.663	-7,8	67,1	38.897	40,6
Chất dẻo nguyên liệu	27.393	106,4	282,2	40.667	297,7
Xo, sợi dệt các loại	16.864	86,7	501,4	25.899	109,4
Hóa chất	16.383	-3,9	-23,4	33.425	-2,0
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	13.049	33,7	105,3	22.807	94,8
Kim loại thường khác và sản phẩm	11.859	36,5	124,0	20.548	56,5
Dây điện và dây cáp điện	6.443	65,5	213,0	10.335	103,7
Vải màn, vải kỹ thuật khác	7.959	3,4	1.364,2	15.660	128,8
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	9.843	-17,8	97,2	21.824	32,3
Gạo	5.307	66,0	12,1	8.504	21,3
Sản phẩm hóa chất	2.871	-18,7	-39,5	6.403	-26,4
Giấy và các sản phẩm từ giấy	857	-20,9	-19,4	1.941	-26,5
Chè	215	-55,5	-7,6	699	92,4
Than các loại	957	442,6		1.133	
Hàng hóa khác	1.320.572	16,4	23,3	2.455.085	26,7
Tổng	9.761.448	1,2	22,0	19.411.205	18,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Nhìn chung, mức độ tác động của Hiệp định EVFTA đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong nửa đầu năm 2021 đã rõ nét hơn khi tiêu dùng hàng hóa của EU phục hồi, nhu cầu nhập khẩu của EU phục hồi. Theo Eurostat, doanh số bán lẻ của EU tháng 5/2021 đã phục hồi và vượt qua mức trước đại dịch vào tháng 2/2020. Tháng 5/2021, doanh số bán lẻ của EU tăng 4,6% so với tháng trước, sau khi giảm 3,6% trong tháng 4/2021. Nhập khẩu hàng hóa của EU từ thị trường ngoài khối tháng 5/2021 theo ước tính của Eurostat đã tăng 11%. Nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của EU tăng lên, nhiều mặt hàng của Việt Nam đã tận dụng tốt những ưu đãi từ Hiệp định EVFTA để tăng thị phần trong tổng nhập khẩu của thị trường này như: thị phần mặt hàng sắt thép các loại của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU tăng từ 0,9% trong 4 tháng đầu năm 2020, lên 1,9% trong 4 tháng đầu năm 2021; thị phần giày dép các loại tăng từ 19%, lên 22,2%; thị phần hàng may mặc tăng từ 3,9%, lên 4%; thị phần sản phẩm từ sắt thép tăng từ 2%, lên 2,5%; hàng thủy sản tăng từ 3,1%, lên 3,3%...

Các chỉ số kinh tế EU công bố trong tháng 7/2021 cho thấy kinh tế khu vực có xu hướng phục hồi ngày càng rõ nét. Tiêu dùng hàng hóa tăng lên, tỷ lệ thất nghiệp cải thiện và tỷ lệ tiết kiệm ở mức cao nhất kể từ khi theo dõi chỉ số này cho thấy triển vọng tiêu thụ hàng hóa tại khu vực tiếp tục phục hồi trong thời gian tới. Tuy nhiên, sức mua nhiều mặt hàng chưa thể quay về mức trước đại dịch khi tỷ lệ thất nghiệp mặc dù đã cải thiện nhưng vẫn ở mức cao. Các mặt hàng có triển vọng tăng trưởng trong thời gian tới có thể kể đến nhu giày dép các loại, hàng dệt may. Sau một thời gian hạn chế ra ngoài mua sắm, khi các yêu cầu giãn cách được dỡ bỏ, hoạt động du lịch được khởi động trở lại, nhu cầu tiêu thụ nhóm mặt hàng này sẽ tăng lên.

Trong nửa cuối năm 2021, với việc kiểm soát tốt dịch Covid-19 tại Bắc Giang và Bắc Ninh, xuất khẩu nhóm hàng điện thoại các loại và máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện sẽ dần phục hồi, sau khi chậm lại trong tháng 6/2021. Tuy nhiên, tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại các tỉnh phía Nam trong tháng 7/2021 sẽ khiến tiến độ xuất khẩu hàng hóa nói chung và tiến độ xuất khẩu sang thị trường châu Âu bị ảnh hưởng đáng kể.

Trong thời gian gần đây, tình hình Covid-19 ở nhiều nước châu Âu diễn biến phức tạp trở lại. Số ca nhiễm tăng cao sau thời gian dịch đã được kiểm soát, sẽ phần nào tác động đến tình hình kinh tế của các quốc gia trong khu vực. Hầu hết các quốc gia đang đẩy nhanh quá trình tiêm chủng vaccine nhằm ứng phó với mối lo về đợt bùng phát mới. Khả năng các nước châu Âu tái áp dụng các biện pháp mạnh để kiểm soát dịch là khó xảy ra, nhưng cũng sẽ phần nào ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của khu vực.

Do đó, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU từ nay đến cuối năm 2021 sẽ tiếp tục phục hồi, nhưng mức độ phục hồi vẫn khó dự đoán trước những diễn biến khó lường của của dịch Covid-19.

Về nhập khẩu: Quý II/2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ EU đạt 4,26 tỷ USD, tăng 6,8% so với quý I/2021 và tăng 21,3% so với quý II/2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ thị trường EU đạt 8,2 tỷ USD, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ hầu hết các thị trường trong khối EU đều tăng so với cùng kỳ năm 2020, trừ nhập khẩu từ thị trường Thụy Điển, Slovenia và Látvia giảm.

Thị trường cung cấp hàng hóa cho Việt Nam trong khối EU quý II và 6 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Ái Len	1.150.718	3,5	14,1	2.262.669	13,9
Đức	950.047	13,9	13,6	1.784.057	13,7
Italia	493.992	11,1	45,8	938.822	27,8
Pháp	403.749	-1,7	10,6	814.616	14,5
Hà Lan	184.602	18,8	15,9	340.056	11,6
Tây Ban Nha	153.308	9,4	20,1	293.424	18,6
Bỉ	141.031	30,8	42,5	248.834	12,9
Ba Lan	123.471	21,2	66,5	225.312	49,8
Hungary	125.381	-19,1	64,2	280.460	93,8
Áo	87.907	10,7	18,3	167.318	19,4
Thụy Điển	83.446	-8,8	-15,6	174.993	-4,6
Phần Lan	64.868	26,9	50,9	115.976	20,2

Thị trường	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Đan Mạch	71.554	30,1	47,9	126.534	32,2
Cộng Hoà Séc	38.801	5,7	37,7	75.527	22,6
Slovenia	20.578	99,3	12,6	30.904	-11,1
Bồ Đào Nha	37.888	-3,5	95,2	77.134	78,1
Hy Lạp	18.827	-17,5	24,9	41.655	9,9
Slovakia	18.567	-4,0	46,0	37.916	71,9
Síp	15.900	45,4	46,1	26.833	10,3
Bungari	16.315	-26,6	32,2	38.540	25,9
Rumani	15.901	-58,3	69,3	54.042	64,3
Luxembua	12.435	2,5	37,5	24.563	3,3
Croatia	8.460	-23,2	21,4	19.471	63,9
Lítva	7.564	-21,6	113,8	17.210	159,0
Manta	8.195	-23,6	12,5	18.923	9,7
Látvia	4.665	-21,4	-21,9	10.602	-43,5
Estonia	4.903	36,0	-2,7	8.509	9,8
Tổng	4.263.075	6,8	21,3	8.254.899	18,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Quý II/2021, kim ngạch nhập khẩu phần lớn mặt hàng từ thị trường EU tăng so với quý trước đó và so với cùng kỳ năm 2020, nhiều mặt hàng đạt mức tăng trưởng 2 - 3 con số. Đặc biệt, nhập khẩu nguyên phụ liệu thuốc lá, phế liệu sắt thép tăng rất mạnh.

Nhập khẩu một số mặt hàng cần kiểm soát nhập khẩu đang tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020 như: Chất thơm, thành phẩm và chế phẩm vệ sinh; hàng điện gia dụng và linh kiện; ô tô nguyên chiếc các loại.

Mặt hàng nhập khẩu từ thị trường EU quý II và 6 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1.162.849	2,0	19,1	2.303.099	18,2
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	807.470	-3,3	12,4	1.642.757	15,7
Dược phẩm	427.943	20,9	-10,7	782.008	-9,0
Sản phẩm hóa chất	155.416	22,9	13,1	281.881	8,8
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	105.444	35,2	90,2	183.424	37,9
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	102.428	-7,2	47,4	212.819	72,8
Hóa chất	47.626	3,5	-5,0	93.631	4,3
Sữa và sản phẩm sữa	56.257	42,0	-12,2	95.881	-10,6
Chất dẻo nguyên liệu	61.279	-7,7	13,1	127.652	13,8

Mặt hàng	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	46.791	-23,8	227,1	108.173	53,7
Linh kiện, phụ tùng ô tô	55.415	50,7	84,7	92.192	37,0
Vải các loại	51.387	52,1	51,8	85.171	27,1
Sản phẩm từ sắt thép	46.009	-3,5	9,6	93.665	4,7
Sản phẩm từ chất dẻo	43.720	27,8	37,2	77.924	26,6
Gỗ và sản phẩm gỗ	46.415	-17,5	5,7	102.651	33,6
Chất thơm, phẩm và chế phẩm vệ sinh	27.025	24,5	64,9	48.723	52,5
Kim loại thường khác	31.132	62,0	229,5	50.353	230,6
Sắt thép các loại	21.303	39,2	-2,1	36.613	-15,7
Giấy các loại	24.176	30,6	16,9	42.684	4,9
Ô tô nguyên chiếc các loại	25.486	26,5	56,3	45.627	35,0
Chế phẩm thực phẩm khác	22.086	-4,3	-0,5	45.156	25,7
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	11.477	37,5	7,6	19.822	-23,4
Nguyên phụ liệu dược phẩm	10.493	9,2	-5,1	20.098	5,4
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	20.841	27,9	12,0	37.132	16,7
Sản phẩm từ cao su	11.126	29,4	34,0	19.724	16,8
Cao su	8.817	-8,0	70,4	18.398	45,4
Hàng thủy sản	9.501	8,6	-5,7	18.249	-2,7
Xo, sợi dệt các loại	7.358	-26,7	8,3	17.398	25,6
Dây điện và dây cáp điện	8.233	43,4	97,5	13.973	51,7
Phân bón các loại	5.100	-14,9	-46,6	11.092	-45,5
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	6.868	18,8	26,0	12.650	18,4
Hàng điện gia dụng và linh kiện	5.317	31,4	72,2	9.365	48,4
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	3.866	83,0	970,5	5.979	425,6
Nguyên phụ liệu thuốc lá	2.385	2.363,5	11,0	2.482	-12,2
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	3.010	-2,2	-9,3	6.087	-2,4
Sản phẩm từ kim loại thường khác	3.013	13,0	-21,0	5.681	-23,8
Phế liệu sắt thép	2.840	146,5	15.803,3	3.991	2.082,5
Sản phẩm từ giấy	2.080	39,7	20,0	3.569	3,2
Quặng và khoáng sản khác	721	-21,7	-61,1	1.643	-62,3
Điện thoại các loại và linh kiện				36	-29,2
Hàng hóa khác	772.333	9,8	54,4	1.475.446	38,8
Tổng	4.263.075	6,8	21,3	8.254.899	18,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan



Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản SANG THỊ TRƯỜNG EU tiếp tục đà hồi phục trong 6 tháng đầu năm 2021

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU trong quý II/2021 đạt 1 tỷ USD, tăng 9% so với quý I/2021 và tăng 19,7% so với quý II/2020.

So với quý I năm nay, kim ngạch xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam sang EU tăng 33,3%, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 65,9%, hạt tiêu tăng 79,4%, rau quả tăng 12,3%... Riêng cà phê và chè giảm 8,6% và 7,6% so với quý I/2021.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU đạt 1,84 tỷ USD, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của hầu hết mặt hàng khác sang thị trường EU đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái như: Hàng thủy sản tăng 18,9%, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 36,2%, rau quả tăng 3,2%, hạt tiêu tăng 42,6%, chè tăng 92,4%, đặc biệt cao su tăng tới 115,8%...

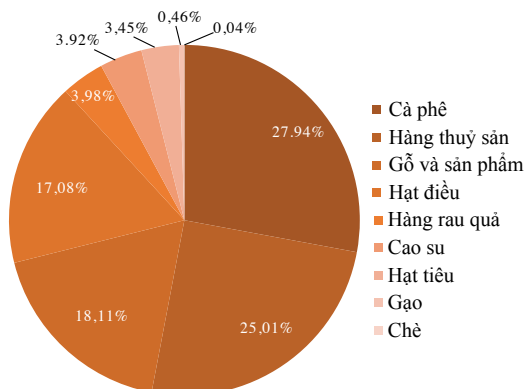
Theo đánh giá, nông sản xuất khẩu vào EU có giá cao hơn hẳn so với mặt bằng chung của thị trường và giữ được sự ổn

định về giá mua cũng như sản lượng tiêu thụ. Kết quả này là nhờ vào việc tận dụng hiệu quả các lợi thế từ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) và sự phục hồi nhu cầu tiêu dùng của EU sau khi tiến trình tiêm chủng vaccine ngừa Covid-19 tại khu vực này được đẩy mạnh, dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn.

Đáng chú ý, hiện EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ 4 của rau quả Việt Nam. Ngoài các loại trái cây đã được xuất khẩu nhiều năm, trong tháng 6/2021, EU cũng đã nhập khẩu quả vải tươi của Việt Nam. Việc tiếp cận thành công thị trường cao cấp đã nâng vị thế của sản phẩm, mở ra cơ hội cho quả vải đến với thị trường mới.

Cùng với lô vải thiều đầu tiên vào Séc và Pháp, các loại trái cây đặc sản khác như: thanh long, mít, xoài, nhãn, bưởi... cũng đang được Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh xúc tiến thương mại để xuất khẩu sang các quốc gia trong khối EU.

Tỷ trọng các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU trong 6 tháng đầu năm 2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu cà phê - mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất của Việt Nam vào EU trong 6 tháng đầu năm 2021 giảm 25,8% về lượng và giảm 17,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, đạt 290,92 nghìn tấn, trị giá 513,06 triệu USD. Nguyên nhân khiến xuất khẩu cà phê sang EU giảm một phần là do dịch Covid-19 tác động đến nhu cầu tiêu thụ cà phê của thị trường này, đồng thời tình trạng thiếu container và giá cước vận tải biển đi EU tăng cao khiến xuất khẩu sang thị trường EU bị ảnh hưởng. Mặt khác, cạnh tranh trên thị trường cà phê cũng gia tăng khi Brazil tăng cường xuất khẩu cà phê, đặc biệt là cà phê Robusta – mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam ra thị trường quốc tế.

Trong khi đó, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang thị trường EU tăng 14,4% về lượng, nhưng giảm 7,4% về trị giá do giá hạt điều giảm so với cùng kỳ năm 2020.

Đối với mặt hàng gạo, lượng gạo xuất khẩu sang EU tuy giảm 5,8% nhưng trị giá tăng tới 21,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Cũng giống với mặt hàng cà phê, giá cước vận tải biển đi châu Âu tăng cao đã ảnh hưởng phần nào đến hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam

sang thị trường này. Mặc dù giảm nhẹ trong 6 tháng đầu năm nay, nhưng xuất khẩu mặt hàng gạo của Việt Nam sang thị trường EU vẫn có nhiều tiềm năng tăng trưởng trong những năm tới bởi theo Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), trong giai đoạn từ năm 2015 -2020, lượng gạo nhập khẩu của EU tăng trưởng bình quân 4,9%/năm, từ 2,95 triệu tấn trong năm 2015 lên 3,75 triệu tấn vào năm 2020.

Tiêu dùng gạo tại khu vực châu Âu trong những năm qua khá ổn định, nhưng nhu cầu đối với các loại gạo đặc sản chất lượng cao từ khu vực châu Á đang có xu hướng tăng. Thực tế cho thấy, tỷ trọng gạo nhập khẩu của EU trong nội khối có xu hướng giảm trong khi ngoại khối lại tăng. Ngoài ra, số liệu cũng chỉ ra rằng nhu cầu nhập khẩu gạo lứt, gạo hữu cơ của EU trong thời gian qua cũng tăng trưởng cao hơn so với các mặt hàng khác do nhận thức về chế độ ăn uống lành mạnh, những sản phẩm có lợi cho sức khỏe. Trong khi đó, sản xuất lúa gạo tại châu Âu thời gian qua có phần thu hẹp do các yếu tố điều kiện tự nhiên và chi phí sản xuất tăng cao.

Với những yếu tố trên, EU sẽ tiếp tục là thị trường xuất khẩu gạo nhiều tiềm năng cho các nhà xuất khẩu gạo, trong đó có Việt Nam. Số liệu từ Eurostat cho thấy, lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong giai đoạn từ năm 2017 đến 2020 lên tục tăng, từ 18,7 nghìn tấn của năm 2017, lên mức 66,26 nghìn tấn trong năm 2020, tương ứng tăng 253,7%. Hiện nay, tỷ trọng gạo của Việt Nam tại EU nhìn chung vẫn còn khá khiêm tốn so với các nguồn cung cạnh tranh khác như Ấn Độ, Thái Lan, Campuchia, Pakistan khi chỉ chiếm 1,8% trong tổng nhập khẩu gạo của EU và 3,1% trong nhập khẩu ngoại khối của thị trường này.

Do đó, việc EU dành cho Việt Nam hạn ngạch 80.000 tấn gạo mỗi năm theo Hiệp định EVFTA (gồm 30.000 tấn gạo xay xát, 20.000 tấn gạo chưa xay xát và 30.000 tấn gạo thơm) sẽ mở ra cơ hội để gạo Việt Nam có thể mở rộng thị phần tại EU trong những năm tới. Ngoài ra, EU sẽ tự do hóa hoàn toàn đối với gạo tằm (cam kết này giúp Việt Nam có thể xuất khẩu khoảng 100.000 tấn gạo tằm vào EU hàng năm). Đối với sản phẩm từ gạo, EU sẽ đưa thuế suất về 0% sau 3 - 5 năm.

Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang EU trong quý II và 6 tháng đầu năm 2021

(DVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Mặt hàng	Quý II/2021		So với quý I/2021 (%)		So với quý II/2020 (%)		6 tháng đầu năm 2021		So với 6 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	1.000.244	19,0	19,7	19,7	1.836.184	5,3				
Cà phê	138.726	244.833	-19,6	-8,6	-8,9	-8,7	290.922	513.058	-25,8	-17,2
Hàng thủy sản		280.192		33,3		56,5		459.232		18,9
Gỗ và sản phẩm gỗ		156.041		65,9		-11,6		332.544		36,2
Hạt điều	34.511	196.924	14,7	3,3	48,5	68,6	57.748	313.698	14,4	-7,4
Hàng rau quả		40.568		12,3		24,9		73.059		3,2
Cao su	17.935	33.004	103,9	184,0	-16,9	-15,3	39.522	71.992	66,6	115,8
Hạt tiêu	11.070	43.159	15,7	70,4	90,1	113,2	16.892	63.398	0,5	42,6
Gạo	7.739	5.307	-14,7	12,1	57,7	66,0	12.647	8.504	-5,8	21,3
Chè	63	215	-1,6	-7,6	-73,3	-55,5	299	699	143,1	92,4

Hiện nay, Đức đang là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn nhất trong khối EU với kim ngạch đạt 493 triệu USD trong 6 tháng đầu năm 2021, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước.

Đứng thứ hai là Hà Lan với 402,84 triệu USD, tăng 0,7%. Đặc biệt, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang

Italia và Pháp tăng khá mạnh 14,1% và 23,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tuy vậy, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Bỉ và Tây Ban Nha giảm lần lượt là 5,3% và 10,1% so với 6 tháng đầu năm ngoái.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang các thị trường thuộc khối EU trong quý II và 6 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Tổng	1.000.244	19,7	19,0	1.836.184	5,3
Đức	257.911	9,7	19,5	493.010	4,5
Hà Lan	238.915	45,7	5,6	402.843	0,7
Italia	120.576	8,6	30,5	231.601	14,1
Pháp	100.266	14,5	48,6	187.833	23,3
Bỉ	88.444	25,8	5,3	158.757	-5,3
Tây Ban Nha	84.784	21,4	8,6	154.606	-10,1
Ba Lan	30.164	7,0	29,0	58.351	4,3
Đan Mạch	26.634	16,3	58,4	49.531	41,5
Bồ Đào Nha	18.596	41,1	22,8	31.775	-1,2
Thụy Điển	12.248	-15,7	77,1	26.781	25,6
Hy Lạp	12.799	45,4	43,9	21.603	13,2
Rumani	3.897	0,8	68,8	7.762	25,4
Phần Lan	2.022	-29,4	27,7	4.886	35,0
Cộng Hoà Séc	1.556	-10,2	0,9	3.289	15,8
Hungary	1.141	-30,5		2.783	164,7
Áo	290	-40,1	-15,5	774	8,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Triển vọng và dự báo:

Với chất lượng đang ngày càng cải thiện và ưu đãi thuế quan từ Hiệp định EVFTA, nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đang có lợi thế lớn để thâm nhập và chiếm lĩnh thị phần tại thị trường EU.

Hiện nay, các quốc gia có hiệp định thương mại tự do với EU, nhưng tập trung vào sản xuất nông sản thì không nhiều. Điều này thấy, cánh cửa thị trường EU đã rộng mở cho nông sản Việt Nam. Tuy nhiên, để bước qua cánh cửa này, doanh nghiệp trong nước cần đặc biệt chú ý đến chất lượng sản phẩm. Không chỉ ở giai đoạn vận chuyển mà phải kiểm soát chặt chẽ toàn bộ quy trình sản xuất. Minh bạch về nguồn gốc xuất xứ giúp nhà nhập khẩu thuận lợi phân luồng an toàn thực phẩm.

Mặc dù đã cho thấy sự phục hồi khá tốt trong 6 tháng đầu năm nay, nhưng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU được cho là khó tăng mạnh trong thời gian tới do diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 cũng như giá cước vận tải biển tăng cao và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt.

Cụ thể, giá cước vận tải biển đi châu Âu, đã tăng lên 10.000 - 12.000 USD/container, gấp 5 đến 7 lần so với cùng kỳ năm trước đang khiến hàng loạt doanh nghiệp xuất khẩu gặp khó khăn. Không những thế, khó khăn trong việc đặt thuê tàu và tìm container rỗng để đóng hàng, chi phí lưu kho bãi tăng vọt khiến cho kế hoạch của cả doanh nghiệp và đối tác đều bị đảo lộn.

Trong khi đó, sự phục hồi của nền kinh tế châu Âu vẫn còn nhiều bất ổn. Kinh tế châu lục đang đối mặt với nhiều rủi ro trong bối cảnh dịch Covid-19 có nguy cơ tăng cao trở lại trước sự bùng phát của các biến chủng virus mới, một số quốc gia đã nâng cao kiểm soát biên giới. Cơ quan khu vực châu Âu của WHO và Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh châu Âu (ECDC) ngày 23/7/2021 cho biết dựa trên dữ liệu thu thập từ ngày 28/6 - 11/7/2021, biến thể Delta hiện đã có mặt ở 19/28 nước châu Âu với tỷ lệ 68,3% trong các mẫu dương tính. ECDC dự báo đến cuối tháng 8/2021, tỷ lệ này sẽ lên tới 90%.

Tại Việt Nam, đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 bùng phát tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam cũng ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động sản xuất và xuất khẩu của các doanh nghiệp.

Để tăng trưởng xuất khẩu nông sản sang EU trong thời gian tới, Bộ Công Thương đã, đang và sẽ chủ trì, phối hợp cùng các bộ, ngành, hiệp hội triển khai và hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện hiệu quả EVFTA để tận dụng tối đa cơ hội thị trường. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp liên quan đến tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị và chất lượng nông sản cũng như đẩy mạnh xây dựng, phát triển thương hiệu nông sản Việt Nam. ◀

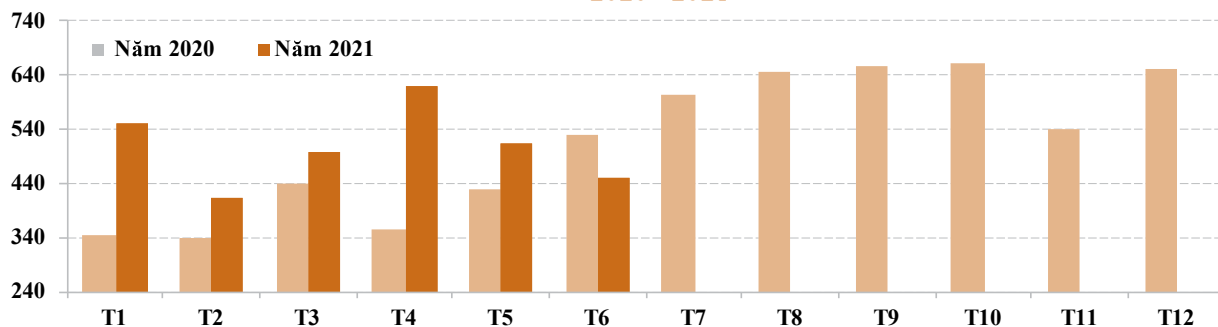
EVFTA

TĂNG THÊM LỢI THẾ CẠNH TRANH XUẤT KHẨU MÁY VI TÍNH, SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ VÀ LINH KIỆN



Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện sang thị trường EU trong quý II/2021 đạt 1,58 tỷ USD, tăng 1,4% so với quý I/2021 và tăng 20,6% so với quý II/2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện sang thị trường EU đạt 3,14 tỷ USD, tăng 29,2% so với cùng kỳ năm 2020. Với kết quả này, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu lớn thứ 2 vào EU trong 6 tháng qua, chỉ sau mặt hàng điện thoại và linh kiện.

Kim ngạch xuất khẩu máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện điện sang thị trường EU năm 2020 - 2021

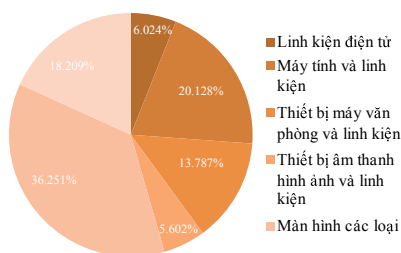


Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

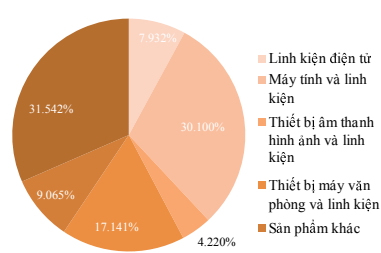
Cơ cấu chủng loại máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện xuất khẩu sang thị trường EU

Trong 6 tháng đầu năm 2021, cơ cấu xuất khẩu chủng loại sản phẩm máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện của Việt Nam sang EU đã thay đổi theo hướng tích cực. Tỷ trọng xuất khẩu nhóm linh kiện điện tử đã giảm từ 8% trong 6 tháng đầu năm 2020, xuống còn 6%, trong khi tỷ trọng xuất khẩu màn hình các loại tăng từ 32%, lên 36%.

6 tháng năm 2021



6 tháng năm 2020



(Tỷ trọng theo kim ngạch)

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Trong khối EU, sản phẩm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu vào các thị trường: Hà Lan, Ba Lan, Slovakia, Đức, Hungary, Áo và Italia. Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Hà Lan, Ba Lan, Đức tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm 2020. Các thị trường tại Tây Âu vẫn là những thị trường tiêu dùng điện tử lớn nhất ở châu Âu do

quy mô dân số, tiềm năng kinh tế và nhu cầu ở mức cao.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện sang một số thị trường như Ai Len, Luxembourg, Bulgaria, Estonia tăng mạnh, nhưng kim ngạch vẫn ở mức thấp.

Xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện sang thị trường EU trong quý II và 6 tháng đầu năm 2021

Thị trường xuất khẩu	Quý II/2021	So với (%)		6 tháng năm 2021	So với 6 tháng 2020 (%)	Tỷ trọng (%)	
		Quý I/2021	Quý II/2020			6 tháng 2021	6 tháng 2020
Tổng	1.580.522	1,4	20,6	3.139.718	29,2	100,0	100,0
Hà Lan	446.722	5,9	21,2	868.609	15,4	27,7	31,0
Ba Lan	268.628	-13,9	37,5	580.492	57,8	18,5	15,1
Slovakia	286.329	29,0	105,8	508.354	112,5	16,2	9,8
Đức	185.306	42,8	61,4	315.099	41,3	10,0	9,2
Hungary	94.740	-33,1	-29,3	236.416	-2,6	7,5	10,0
Áo	52.695	-35,6	-20,0	134.466	15,5	4,3	4,8
Italia	46.775	-28,6	-39,4	112.245	-4,8	3,6	4,9
Pháp	42.656	4,0	-30,3	83.653	-23,0	2,7	4,5
Cộng Hoà Séc	36.581	-6,6	61,6	75.741	79,6	2,4	1,7
Tây Ban Nha	18.105	-45,7	-61,5	51.451	-25,7	1,6	2,9
Ai Len	32.374	116,9	196,1	47.299	214,3	1,5	0,6
Slovenia	24.632	34,8	6,8	42.903	8,3	1,4	1,6
Thụy Điển	16.906	59,0	-24,7	27.542	-22,2	0,9	1,5
Bồ Đào Nha	8.614	-15,7	-17,7	18.835	4,4	0,6	0,7
Bỉ	5.617	-29,2	40,4	13.552	10,9	0,4	0,5
Hy Lạp	6.446	64,6	82,5	10.361	-1,3	0,3	0,4
Latvia	960	-61,4	-82,7	3.449	-64,7	0,1	0,4
Phần Lan	3.259	3.237,3	292,7	3.357	-10,5	0,1	0,2
Đan Mạch	1.788	63,8	4,7	2.879	-11,0	0,1	0,1
Rumani	1.090	-7,1	4,9	2.263	33,0	0,1	0,1
Luxembourg	174	3,1		343	536,1	0,0	0,0
Bulgaria	47	-82,7	2.180,4	317	342,4	0,0	0,0
Estonia	66	1.083,2	280,1	72	275,7	0,0	0,0
Litva	12	839,2	-99,0	13	-98,9	0,0	0,1
Malta				3	-80,9	0,0	0,0
Síp				2	-75,7	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Nhìn chung, cơ hội về thuế quan trong Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) đối với ngành điện tử Việt Nam là không lớn do phần lớn dòng sản phẩm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đều đã có thuế ở mức 0%. Tuy nhiên, ngành hàng này vẫn còn cơ hội, tiềm năng và thêm lợi thế cạnh tranh xuất khẩu cho doanh nghiệp tại Việt Nam từ chuỗi cung ứng khi EVFTA được thực thi hiệu quả.

Triển vọng xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện sang thị trường EU khả quan bởi nhu cầu tiêu thụ máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tại khu vực cho tiêu dùng cá nhân và các ngành sản xuất công nghiệp đang phát triển như: ô tô, nhà thông minh, năng lượng, tự động hóa, chiếu sáng, y tế, dịch vụ lưu trữ dữ liệu... tăng. Trong các tháng đầu

năm 2021, tiếp tục xu hướng của năm 2020, nhu cầu nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện của EU tăng. Theo thống kê của Eurostat, nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện của EU trong 4 tháng đầu năm 2021 từ thị trường ngoài khối đạt 56,3 tỷ USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn, tăng 28,2%. Thị phần nhóm hàng này của Việt Nam trong tổng nhập khẩu từ thị trường ngoài khối của EU tăng từ 4,1% trong 4 tháng đầu năm 2020, lên 4,6% trong 4 tháng đầu năm 2021. Trong đó, thị phần các sản phẩm với mã HS 8529, 8443, 8473, 8519, 8527 của Việt Nam trong tổng nhập khẩu từ thị trường ngoài khối của EU 4 tháng đầu năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm 2020.

Chủng loại máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện nhập khẩu của EU trong 4 tháng đầu năm 2021

Mã HS	Chủng loại sản phẩm	Nhập khẩu từ thị trường ngoài khối (Nghìn Euro)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Nhập khẩu từ Việt Nam (Nghìn Euro)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam trong tổng nhập khẩu từ thị trường ngoài khối (%)	
						4 tháng năm 2021	4 tháng năm 2020
Tổng		56.333.385	14,0	2.569.462	28,2	4,6	4,1
8529	Linh kiện sản phẩm phát thanh, vô tuyến...	3.659.554	39,3	819.109	131,9	22,4	13,4
8542	Mạch điện tử tích hợp	10.212.413	2,7	541.041	-9,2	5,3	6,0
8471	Máy vi tính các loại và linh kiện	19.495.666	20,6	397.842	24,3	2,0	2,0
8443	Máy in và linh kiện	3.366.888	0,7	214.968	-24,3	6,4	8,5
8528	Màn hình, máy chiếu	3.340.280	21,0	196.973	22,8	5,9	5,8
8473	Linh kiện điện tử	3.513.226	-5,0	151.763	57,2	4,3	2,6
8518	Micoro, loa và linh kiện	1.673.376	37,4	124.279	45,3	7,4	7,0
8525	Thiết bị phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình	1.491.206	21,1	36.212	-8,8	2,4	3,2
8519	Thiết bị ghi và tái tạo âm thanh.	248.432	16,5	23.277	61,4	9,4	6,8
8527	Máy thu cho phát thanh sóng vô tuyến	244.303	4,8	22.465	27,9	9,2	7,5
8541	Điốt, tranzito và các thiết bị bán dẫn tương tự	3.828.983	21,7	15.491	-11,7	0,4	0,6
8534	Mạch in	1.609.992	12,7	10.479	29,0	0,7	0,6
8523	Đĩa, băng và các thiết bị lưu trữ	1.366.996	-7,3	10.358	148,9	0,8	0,3
8532	Tụ điện	893.021	17,7	3.124	24,7	0,3	0,3
8521	Máy ghi hoặc tái tạo video	84.540	-9,4	1.207	-12,3	1,4	1,5
9013	Thiết bị tinh thể lỏng chưa được lắp thành các sản phẩm	809.184	24,5	609	-79,6	0,1	0,5
8533	Điện trở, trừ điện trở nung nóng	403.405	17,0	207	-11,3	0,1	0,1
8522	Bộ phận và đồ phụ trợ	25.026	-23,8	57	-0,8	0,2	0,2
8540	Điốt, tranzito và các thiết bị bán dẫn tương tự	66.892	19,0	0		0,0	0,0

Nguồn: Eurostat

Năm 2021, nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện của EU tăng khi tiêu dùng nhóm sản phẩm này của khu vực tăng. Theo Công ty Dữ liệu Quốc tế (IDC), chỉ tiêu cho công nghệ thông tin và truyền thông của châu Âu năm 2021 dự kiến tăng 2%, đạt 994,33 tỷ USD khi nhu cầu thiết bị máy tính cá nhân và điện thoại di động tăng, sau khi đã tăng 0,4% trong năm 2020.

Trong đó, thị trường máy tính cá nhân và máy tính bảng châu Âu sau khi tăng 18,7% trong năm 2020 sẽ tiếp tục tăng trong năm 2021. Sự thay đổi nhu cầu của người tiêu dùng từ một thiết bị cho mỗi hộ gia đình, sang một thiết bị cho mỗi người tiếp tục thúc đẩy thị trường máy tính xách tay và máy tính bảng trong năm 2021. Nhu cầu đối với các thiết bị này dự kiến cũng sẽ được hưởng lợi từ các cuộc đấu thầu cho ngành giáo dục dự kiến sẽ hoàn thành trong năm nay, cũng như nhu cầu cho làm việc từ xa trong tất cả các lĩnh vực thương mại khác.

Tuy nhiên, mức độ tăng trưởng tiêu thụ máy tính để bàn và máy tính xách tay cá nhân tại EU đã có xu hướng chậm lại trong quý II/2021, chủ yếu do mức tiêu thụ trong quý II/2020 đã tăng trưởng vượt bậc khi dịch Covid-19 bắt đầu bùng phát. Theo đó, thị trường máy vi tính tại khu vực Tây Âu quý II/2021 tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, tiêu thụ máy tính để bàn tăng 6,2% so với cùng kỳ năm 2020 do nhu cầu đối với thiết bị chơi game, giải trí và giao lưu trực tuyến với

bạn bè tiếp tục tăng. Tiêu dùng máy tính xách tay tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2020, đã chậm lại sau bốn quý liên tiếp đạt mức tăng trưởng hai con số. Việc nguồn cung bị hạn chế do thiếu linh kiện, kết hợp với việc nới lỏng giãn cách đã ảnh hưởng đến tăng trưởng tiêu thụ máy tính của khu vực.

Trong khi đó, tiêu dùng máy vi tính để bàn cho thị trường thương mại tại Tây Âu trong quý II/2021 giảm 7,3% so với cùng kỳ năm 2020, nhưng dự kiến sẽ phục hồi vào nửa cuối năm 2021 nhờ nhu cầu từ các doanh nghiệp tăng để trang bị khi nhiều nhân viên quay trở lại văn phòng làm việc

Thị trường máy in và máy in đa chức năng (MFP) của Tây Âu cũng đã tăng 18,8% trong quý II/2021 so với cùng kỳ năm trước, với quy mô thị trường là 4,39 triệu sản phẩm. Mức tăng trưởng này tương tự như quý trước và cho thấy các dấu hiệu cho thấy nhu cầu máy in vẫn mạnh trong thời kỳ đại dịch. Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của máy in phun và laser cấp thấp, thị trường máy in đa chức năng A3 đã phục hồi trở lại với mức tăng 47,1%. Một năm trước, thị trường máy in đã suy giảm đáng kể khi hầu hết châu Âu rơi vào tình trạng đóng cửa. Nửa đầu năm 2021, tiêu thụ máy in tăng 1,5 triệu chiếc, với sự tăng trưởng phần lớn là từ các thiết bị in phun tiêu dùng. Tuy nhiên, nhu cầu đối với các thiết bị in phun kinh doanh cũng đã tăng lên và thị trường laser cao hơn so với cùng kỳ năm 2020. ◀





HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI GIỮA VIỆT NAM – HÀ LAN ĐẠT KẾT QUẢ KHẢ QUAN NHỜ EVFTA

Trong những năm gần đây, Hà Lan luôn là một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam tại Liên minh châu Âu (EU) bởi đây là thị trường cửa ngõ và là một trong những trung tâm trung chuyển hàng hóa lớn nhất vào châu Âu, giúp kết nối các cảng và khu công nghiệp với châu Âu. Hàng hóa nhập khẩu vào Hà Lan ngoài việc phục vụ tiêu thụ nội địa của thị trường này, còn một lượng lớn hàng hóa được tái xuất khẩu sang các quốc gia EU khác. Năm 2010, thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Hà Lan mới chỉ đạt 2,2 tỷ USD, năm 2015 đã tăng lên 5,5 tỷ USD và đến năm 2019 đạt 7,5 tỷ USD.

Trong năm 2020, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 khiến hoạt động thương mại giữa hai nước giảm trong hơn nửa đầu năm, nhưng tính chung cả năm 2020, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Hà Lan vẫn tăng 1,5% so với năm 2019, lên 7,7 tỷ USD nhờ bứt phá trong giai đoạn từ tháng 8/2020 - thời điểm sau khi EVFTA có hiệu lực. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sang Hà Lan tăng 1,7% so với năm 2019 lên gần 7 tỷ USD và kim ngạch nhập khẩu giảm nhẹ 0,6% xuống 657 triệu USD. Xuất siêu của Việt Nam sang Hà Lan cũng tăng mạnh, từ 1,2 tỷ USD trong năm 2010 đã tăng gấp 5,5 lần, lên tới 6,4 tỷ USD trong năm 2020.

Trong những tháng đầu năm 2021, cùng với những tác động tích cực từ Hiệp định EVFTA, hoạt động thương mại giữa Việt Nam - Hà Lan tiếp tục đạt những kết quả khả quan cho dù các doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với khó khăn trước ảnh hưởng của dịch Covid-19 và giá cước vận tải liên tục tăng lên những mức cao kỷ lục. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 6 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Hà Lan đạt 4,2 tỷ USD, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 15% tỷ trọng trên tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam với toàn khối EU. Trong đó, Việt Nam xuất siêu sang Hà Lan đạt 3,6 tỷ USD, tăng 21% so với mức 2,9 tỷ USD của cùng kỳ năm 2020. Với kết quả này, Hà Lan hiện là thị trường xuất siêu lớn nhất của Việt Nam trong toàn khối EU.

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hà Lan quý II và 6 tháng năm 2021

Thị trường	Quý II/2021 (Ng- hìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021
Thương mại 2 chiều	2.158.943	21,35	4.225.452	19,47
Xuất khẩu sang Hà Lan	1.974.341	3,31	3.885.396	20,21
Nhập khẩu từ Hà Lan	184.602	18,75	340.056	11,61
Cán cân thương mại	-1.789.739		-3.545.341	

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về xuất khẩu:

Trong quý II/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Hà Lan đạt 1,97 tỷ USD, tăng 3,3% so với quý I/2021, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hà Lan trong 6 tháng đầu năm 2021 lên gần 3,9 tỷ USD, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn so với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu 18,3% sang toàn khối EU trong cùng thời gian. Kết quả này phần nào cho thấy việc tận dụng ưu đãi thuế quan từ EVFTA bước đầu đã đem lại hiệu quả trong việc đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Hà Lan.

Nhóm công nghiệp chế biến: Tương tự nhu cơ cấu hàng hóa xuất khẩu sang hầu hết các thị trường khác trong EU, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Hà Lan phần lớn là các mặt hàng thuộc nhóm công nghiệp chế biến. Trong 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu nhóm công nghiệp chế biến sang thị trường Hà Lan đạt 3,34 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 86% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu sang Hà Lan.

Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hà Lan gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc thiết bị phụ tùng; điện thoại các loại và linh kiện, giày dép, dệt may, hạt điều; túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù ... Trong đó, nhiều mặt hàng vốn đã có lợi thế được hưởng mức thuế ưu đãi rất thấp từ chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) và hiện được hưởng tiếp các mức lãi suất về 0% ngay khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 1/8/2020.

Trong 6 tháng qua, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng công nghiệp chế biến chủ lực của Việt Nam sang thị trường Hà Lan đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng khá. Dẫn đầu là nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện với 868,6 triệu USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 22,4% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này. Ngoài ra, xuất khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác cũng ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao, đạt 668,5 triệu USD, tăng tới 74,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 17,2% tỷ trọng.

Nhóm nông, thủy sản: Mặc dù các mặt hàng nông, thủy sản

đang được hưởng lợi từ EVFTA với mức thuế suất xuất khẩu bằng 0% hoặc giảm rất sâu, nhưng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, thủy sản sang Hà Lan trong 6 tháng đầu năm 2021 chỉ đạt 345,7 triệu USD, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 8,9% tỷ trọng trên tổng xuất khẩu sang Hà Lan.

Hiện Hà Lan là thị trường xuất khẩu hạt điều, rau quả và thủy sản lớn nhất của Việt Nam tại EU với kim ngạch chiếm 53% đối với hạt điều và rau quả, chiếm gần 21% đối với mặt hàng thủy sản trên tổng xuất khẩu sang EU. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hạt điều và rau quả sang Hà Lan đều giảm lần lượt 12,6% và 8,9% so với cùng kỳ năm trước xuống 168,5 triệu USD và 38,8 triệu USD.

Ngoài ra, xuất khẩu cà phê cũng giảm 16,9% trong khi xuất khẩu thủy sản chỉ tăng nhẹ 4,8%.

Bên cạnh những nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, hoạt động vận tải gặp khó khăn cũng như ảnh hưởng từ “thẻ vàng” IUU đối với xuất khẩu thủy sản khai thác, xuất khẩu nông, thủy sản sang Hà Lan trong 6 tháng qua cũng gặp nhiều trở ngại trước các biện pháp kiểm soát chặt hơn đối với thực phẩm nhập khẩu theo quy định mới EU 2020/2236, có hiệu lực từ ngày 21/4/2021. Ngoài ra, yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm của EU nói chung và Hà Lan nói riêng rất khắt khe, những tiêu chuẩn cũng ngày càng cao, tần suất giám sát, kiểm tra cũng cao hơn các thị trường khác.

Mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Hà Lan quý II và 6 tháng năm 2021

Mặt hàng	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I năm 2021	6 tháng năm 2021 (%)	So với 6 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng (%)	
					Quý II năm 2021	6 tháng năm 2021
Tổng	1.974.341	3,31	3.885.396	20,21	100,00	100,00
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	446.722	5,89	868.609	15,43	22,63	22,36
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	308.918	-14,08	668.446	74,05	15,65	17,20
Điện thoại các loại và linh kiện	212.296	-14,75	461.329	-7,92	10,75	11,87
Giày dép các loại	236.161	19,94	433.065	33,98	11,96	11,15
Hàng dệt, may	171.023	11,02	325.069	21,47	8,66	8,37
Hạt điều	106.709	72,70	168.498	-12,60	5,40	4,34
Phương tiện vận tải và phụ tùng	60.406	-11,48	128.649	27,94	3,06	3,31
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	50.664	0,70	100.978	-13,34	2,57	2,60
Hàng thủy sản	58.752	45,14	99.231	4,84	2,98	2,55
Sản phẩm từ chất dẻo	39.094	-1,45	78.762	24,39	1,98	2,03
Gỗ và sản phẩm gỗ	29.025	3,19	57.153	57,65	1,47	1,47
Sản phẩm từ sắt thép	22.961	-27,08	54.448	0,16	1,16	1,40
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	26.711	10,05	50.982	83,97	1,35	1,31
Hàng rau quả	22.498	37,76	38.828	-8,87	1,14	1,00
Hóa chất	8.519	-28,23	20.390	-14,15	0,43	0,52
Sản phẩm từ cao su	8.545	-26,12	20.111	43,21	0,43	0,52
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	8.100	-12,40	17.346	62,83	0,41	0,45
Hạt tiêu	10.145	48,85	16.961	25,37	0,51	0,44
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	8.975	19,52	16.484	48,80	0,45	0,42
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	7.293	-8,81	15.291	84,29	0,37	0,39
Cà phê	5.522	3,92	10.835	-16,92	0,28	0,28
Sản phẩm gốm, sứ	4.971	5,21	9.696	42,50	0,25	0,25
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	4.535	20,77	8.290	34,12	0,23	0,21
Cao su	3.876	-0,38	7.767	61,52	0,20	0,20
Kim loại thường khác và sản phẩm	3.109	114,88	4.555	-11,38	0,16	0,12
Gạo	2.388	102,25	3.569	63,32	0,12	0,09
Sản phẩm hóa chất	1.224	-26,85	2.897	-30,03	0,06	0,07
Than các loại	957	442,63	1.133		0,05	0,03
Hàng hóa khác	104.241	13,58	196.019	29,65	5,28	5,05

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu hàng hóa sang Hà Lan dự kiến sẽ tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng khả quan trong thời gian tới

Việt Nam hiện là thị trường nhập khẩu ngoại khối lớn thứ 9 của Hà Lan và lớn thứ nhì trong khu vực ASEAN (chỉ đứng sau Malaysia). Mặc dù vậy, tỷ trọng hàng Việt Nam tại Hà Lan còn khá khiêm tốn. Theo số liệu của Eurostat, tính riêng trong 4 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam của Hà Lan đạt 2,47 tỷ EUR, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước nhưng chỉ chiếm 1,3% tỷ trọng trên tổng nhập khẩu của Hà Lan, thấp hơn so với mức tỷ trọng chiếm gần 2% của kim ngạch nhập khẩu hàng Việt Nam trên tổng nhập khẩu của toàn khối EU. Với việc tận dụng tốt ưu đãi thuế quan từ Hiệp định EVFTA, thị phần nhiều mặt hàng chủ lực của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hà Lan đã cải thiện so với cùng kỳ năm 2020. Cụ thể: Thị phần mặt hàng giày dép của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hà Lan đã tăng từ 25,9% trong 4 tháng đầu năm 2020, lên 31% trong 4 tháng đầu năm 2021; thị phần hàng may mặc tăng từ 5,4%, lên 6,3%; thị phần sản phẩm từ sắt thép tăng từ 3,3%, lên 3,6%...

Với những tiềm năng và thế mạnh của ngành sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo, cộng với những nỗ lực của các doanh nghiệp trong việc cải thiện chất lượng sản phẩm để có thể đáp ứng các quy định khắt khe của EU, Việt Nam hoàn toàn có thể tăng thị phần tại thị trường Hà Lan trong thời gian tới. Trong đó, EVFTA với hàng loạt cam kết thuế quan ưu đãi đối với hầu hết các mặt hàng, cộng với nhu cầu tiêu dùng và nhập khẩu của EU đang có xu hướng phục hồi trở lại sẽ là yếu tố tác động lớn nhất trong việc thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Hà Lan.

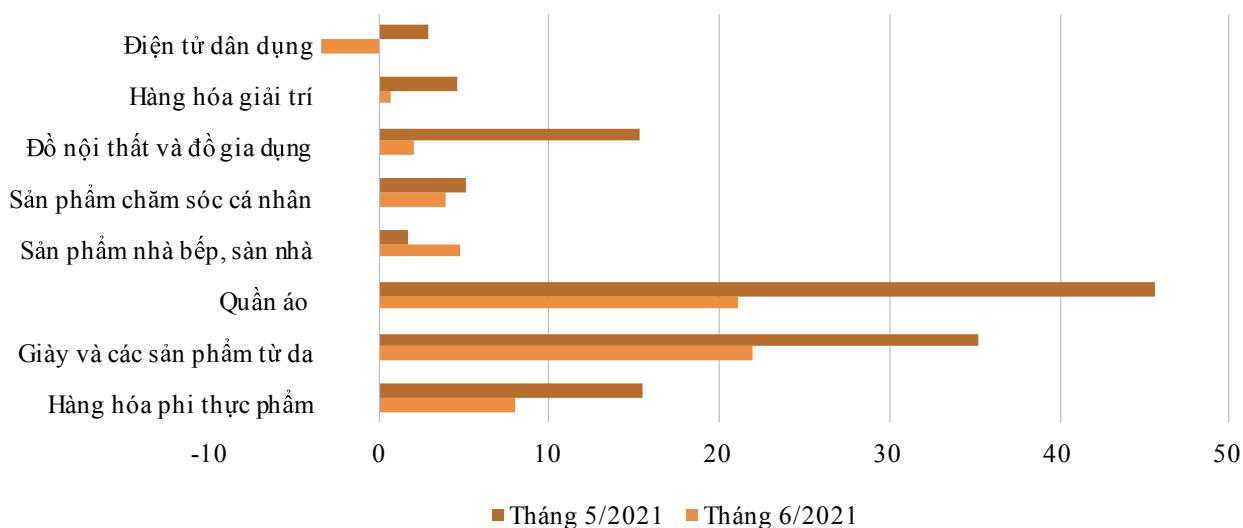
Riêng đối với nhóm hàng nông, thủy sản: Hiện Việt Nam là thị trường ngoại khối cung cấp thủy sản lớn thứ 6 và cung cấp rau quả, sản phẩm đã qua chế biến lớn thứ 11 của Hà Lan. Các đối

thủ cạnh tranh của hàng thủy sản Việt Nam tại thị trường Hà Lan là Ấn Độ, Ecuador và Philipin. Theo số liệu của Eurostat, trong 4 tháng đầu năm 2021, giá nhập khẩu trung bình các mặt hàng chủ lực như tôm và cá ngừ của Hà Lan từ những thị trường này đều thấp hơn so với mức giá nhập khẩu bình quân từ Việt Nam. Trong khi đó, Hà Lan cũng nhập khẩu chính nhóm rau quả và sản phẩm đã qua chế biến từ các thị trường thuộc châu Mỹ như Peru, Chile, Brazil, Hoa Kỳ hay Costa Rica nhờ sự cạnh tranh về giá và thời gian vận chuyển, nhất là đối với những sản phẩm trái cây tươi. Vì vậy, để hàng nông sản, thủy sản Việt Nam thâm nhập và có chỗ đứng tại thị trường Hà Lan nói riêng và EU nói chung trong thời gian tới đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam phải nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và giải những bài toán để có thể cạnh tranh được về giá.

Với nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng: Triển vọng xuất khẩu nhóm hàng tiêu dùng sang thị trường Hà Lan cũng khả quan khi chỉ tiêu tiêu dùng của người dân nước này đang có xu hướng tăng. Theo thống kê của Cơ quan thống kê Hà Lan (CBS), trong tháng 6/2021, doanh thu lĩnh vực phi thực phẩm của nước này tăng 8% so với cùng kỳ năm 2020, trong khi sản lượng tiêu thụ (đã điều chỉnh bỏ sự thay đổi về giá) tăng 5,7%. So với tháng 6/2019, doanh thu nhóm hàng phi thực phẩm trong tháng 6/2021 đã tăng 17,8%. Trong đó, doanh thu nhóm hàng quần áo, giày dép và sản phẩm da tăng tháng thứ 4 liên tiếp và cũng cao hơn so với tháng 6/2019. Doanh thu đồ nội thất và đồ đạc trong nhà, đồ giải trí, sản phẩm chăm sóc cá nhân, đồ nhà bếp cũng tăng.

Tuy nhiên, tiêu thụ đồ điện tử gia dụng lại giảm so với tháng 6/2020, nhưng vẫn cao hơn nhiều so với tháng 6/2019. Tiêu thụ đồ điện tử gia dụng giảm so với tháng 6/2020 chủ yếu do nhu cầu tháng 6/2020 tăng mạnh khi dịch Covid-19 khiến hầu hết người dân Hà Lan buộc phải ở nhà và làm việc từ xa.

Tăng trưởng doanh thu nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng của Hà Lan tháng 6/2021



Nguồn: CBS

Về nhập khẩu:

Trong quý II/2021, nhập khẩu hàng hóa từ Hà Lan tiếp tục phục hồi với kim ngạch nhập khẩu đạt 184,6 triệu USD, tăng 18,8% so với quý I/2021, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu từ Hà Lan trong 6 tháng đầu năm 2021 lên 340,1 triệu USD, tăng 11,6% và chiếm 4% tỷ trọng trên tổng nhập khẩu hàng hóa từ EU. Trong đó, Việt Nam nhập khẩu từ Hà Lan chủ yếu là máy

móc, thiết bị chiếm 19,8% tổng kim ngạch, tiếp đến là dược phẩm chiếm 10,6% và linh kiện ô tô chiếm 10,5%.

Trong 6 tháng qua, cao su là mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh nhất, tăng 989,4% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 2,2 triệu USD, chiếm 0,7% trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ Hà Lan.

Mặt hàng nhập khẩu từ thị trường Hà Lan quý II và 6 tháng năm 2021

Mặt hàng	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I năm 2021	6 tháng năm 2021 (%)	So với 6 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng (%)	
					Quý II năm 2021	6 tháng năm 2021
Tổng	184.602	18,75	340.056	11,61	100,00	100,00
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	41.182	57,66	67.304	-4,29	22,31	19,79
Dược phẩm	21.814	54,48	35.935	57,29	11,82	10,57
Linh kiện, phụ tùng ô tô	17.636	-1,95	35.621	61,22	9,55	10,48
Sản phẩm hóa chất	12.564	40,47	21.508	-28,78	6,81	6,32
Chế phẩm thực phẩm khác	6.460	-24,38	15.002	20,45	3,50	4,41
Chất dẻo nguyên liệu	7.202	-2,96	14.624	81,69	3,90	4,30
Sữa và sản phẩm sữa	7.831	40,85	13.390	-41,83	4,24	3,94
Hóa chất	5.080	-32,19	12.571	2,51	2,75	3,70
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	5.488	8,42	10.550	31,76	2,97	3,10
Sản phẩm từ sắt thép	2.533	-37,43	6.582	-12,37	1,37	1,94
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	4.289	224,90	5.609	-12,87	2,32	1,65
Sản phẩm từ chất dẻo	2.034	18,78	3.747	40,87	1,10	1,10
Cao su	1.343	51,66	2.229	989,42	0,73	0,66
Xo, sợi dệt các loại	1.024	-9,96	2.161	78,27	0,55	0,64
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	1.173	46,09	1.977	-15,05	0,64	0,58
Sắt thép các loại	911	33,39	1.595	-2,32	0,49	0,47
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	562	-2,41	1.138	-35,85	0,30	0,33
Dây điện và dây cáp điện	260	-40,50	697	58,48	0,14	0,20
Phụ kiện vận tải khác và phụ tùng	168	-47,69	491	-3,55	0,09	0,14
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	237	31,16	418	88,09	0,13	0,12
Hàng hóa khác	44.810	6,44	86.907	23,28	24,27	25,56

Nguồn: Tổng cục Hải quan



HIỆP ĐỊNH EVFTA

yếu tố hỗ trợ để hàng hóa của Việt Nam tăng khả năng cạnh tranh tại thị trường Bỉ

Bỉ là đối tác thương mại lớn thứ 6 của Việt Nam trong khu vực EU. Sau khi Hiệp định Thương mại tự do EVFTA có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2020, hoạt động thương mại giữa Việt Nam và Bỉ đã cải thiện trong 5 tháng cuối năm 2021 và phục hồi mạnh trong 6 tháng đầu năm 2021. Đặc biệt, trong quý II/2021, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Bỉ đạt mức tăng trưởng cao, tăng 62,6% so với quý II/2020, sau khi tăng 27,9% so với cùng kỳ năm trước trong quý I/2021.

Do kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh hơn so với nhập khẩu, nên xuất siêu của Việt Nam sang thị trường Bỉ trong quý II/2021 tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm 2020 (816 triệu USD so với 477 triệu USD). Trong 6 tháng đầu năm 2021, Việt Nam xuất siêu sang Bỉ 1,46 tỷ USD, cao hơn so với mức 906,7 triệu USD trong 6 tháng đầu năm 2020.

Mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Bỉ quý II và 6 tháng đầu năm 2021

	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Thương mại 2 chiều	1.098	27,8	62,6	1.958	45,3
Xuất khẩu	957	27,3	66,1	1.709	51,6
Nhập khẩu	141	30,8	42,5	249	12,9
Cán cân thương mại	816			1.460	

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về xuất khẩu:

Quý II/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Bỉ đạt 957 triệu USD, tăng 27,3% so với quý I/2021 và tăng 66,1% so với quý II/2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Bỉ đạt 1,71 tỷ USD, tăng 51,6% so với 6 tháng đầu năm 2020.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Bỉ tăng khi kinh tế nước này dần phục hồi sau đại dịch, nhu cầu tiêu dùng tăng trở lại. Theo thống kê của Eurostat, trong 4 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu hàng hóa của Bỉ đạt 128,5 tỷ Euro, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2020. Bên cạnh đó, Hiệp định EVFTA có hiệu lực là yếu tố hỗ trợ để hàng hóa của Việt Nam tăng khả năng cạnh tranh so với các nước xuất khẩu khác tại thị trường Bỉ. Do đó, mặc dù Bỉ có xu hướng tăng nhập khẩu từ thị trường trong khối, giảm nhập khẩu từ thị trường ngoài khối, nhưng nhập khẩu từ Việt Nam vẫn tăng với mức tăng có xu hướng ngày càng tăng (Quý I/2021 tăng 36,5%; quý II/2021 tăng 66,1%).

Quý II và 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng sang thị trường Bỉ tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020, trừ xuất khẩu túi xách, ví, vali, mũ ô; cà phê; hạt điều; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; sản phẩm từ cao su giảm. Do đó, tỷ trọng một số mặt hàng của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Bỉ từ thị trường ngoài khối tăng so với cùng kỳ năm 2020.

Sắt thép các loại là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Bỉ tăng mạnh trong quý II và 6 tháng đầu năm 2021. Quý II/2021, xuất khẩu sắt thép các loại của Việt Nam sang thị trường Bỉ đạt 211,87 triệu USD, tăng 71,4% so với quý I/2021 và tăng 1.625% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sắt thép các loại của Việt Nam sang Bỉ đạt 335,5 triệu USD, tăng 878,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sắt thép các loại sang thị trường Bỉ tăng mạnh khi nhu cầu nhập khẩu của Bỉ phục hồi. Theo thống kê của Eurostat, nhập khẩu sắt thép các loại của Bỉ trong 4 tháng đầu năm 2021 đạt 6,26 triệu tấn, trị giá 4 tỷ Euro, tăng 10,9% về lượng và tăng 31% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020; nhưng vẫn giảm 8% về lượng và giảm 2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, nhập khẩu nội khối đạt 4,16 triệu tấn, trị giá 2,6 tỷ Euro, tăng 18,8% về lượng và tăng 38,3% về trị giá; nhập khẩu ngoại khối đạt 2,1 triệu tấn, trị giá 1,4 tỷ Euro, giảm 2% về lượng, nhưng tăng 19,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Đáng chú ý, trong 4 tháng đầu năm 2021, Bỉ tăng mạnh nhập khẩu sắt thép các loại từ thị trường Việt Nam, đưa Việt Nam từ vị trí thị trường cung cấp lớn thứ 9 cho Bỉ trong cùng kỳ năm 2020, lên trở thành thị trường cung cấp lớn thứ 5 trong 4 tháng đầu năm 2021. Tỷ trọng nhập khẩu sắt thép các loại của Bỉ từ thị trường Việt Nam tăng từ 2,4% trong 4 tháng đầu năm 2020, lên 5,3% trong 4 tháng đầu năm 2021.

Trong quý II và 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng tiêu dùng như giày dép các loại, hàng dệt may sang thị trường Bỉ tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, xuất khẩu giày dép các loại của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2021 sang thị trường Bỉ tăng trưởng khả quan, mặc dù nhu cầu nhập khẩu của nước này chưa phục hồi về mức trước đại dịch. Theo thống kê của Eurostat, trong 4 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu giày dép các loại của Bỉ đạt 1,3 tỷ Euro, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, Bỉ tăng mạnh nhập khẩu nội khối, giảm nhập khẩu từ thị trường ngoại khối. Nhập khẩu giày dép các loại của Bỉ từ hầu hết các thị trường ngoại khối giảm, nhưng nhập khẩu từ thị trường Việt Nam tăng cho thấy khả năng cạnh tranh của mặt hàng này tại thị trường Bỉ đang tăng lên nhờ ưu đãi về thuế của Hiệp định EVFTA. Trong 4 tháng đầu năm 2021, Việt Nam đã vượt Trung Quốc, trở thành thị trường cung cấp giày dép các loại lớn nhất cho Bỉ trong các thị trường ngoại khối. Tỷ trọng nhập khẩu từ thị trường Việt Nam trong tổng nhập khẩu từ thị trường ngoại khối của Bỉ đã tăng từ mức 31,5% trong 4 tháng đầu năm 2020, lên 38,4% trong 4 tháng đầu năm 2021.

Dự báo, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Bỉ sẽ tiếp tục tăng trong các tháng cuối năm 2021 khi kinh tế nước này đang phục hồi. Kinh tế Bỉ được kỳ vọng phục hồi khi niềm tin tiêu dùng và niềm tin kinh doanh lạc quan. Kỳ vọng

nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của Bỉ sẽ tăng trong thời gian tới. Bên cạnh đó, những ưu đãi trong Hiệp định EVFTA sẽ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Bỉ khi nhiều mặt hàng có thuế suất giảm 0%. Trong đó, các mặt hàng nhiều tiềm năng tăng trưởng gồm: sắt thép các loại, hàng dệt may, giày dép. Nhu cầu tiêu thụ giày dép tại Bỉ có xu hướng tăng khi doanh thu nhóm hàng dệt may và giày, dép, da trong các cửa hàng chuyên doanh là các nhóm hàng có mức chi tiêu tăng mạnh nhất, tăng lần lượt là 46,8% và 29,4%.

Trong dài hạn, bên cạnh xuất khẩu tăng, các công ty Bỉ cũng có xu hướng quan tâm đến việc đầu tư vào Việt Nam. Với sự gia tăng thương mại giữa hai nước, các nhà đầu tư Bỉ nhận thấy cơ hội đầu tư vào các ngành công nghiệp của Việt Nam. Các lĩnh vực công nghiệp tại Việt Nam mà nhà đầu tư Bỉ quan tâm gồm: ngành công nghiệp thực phẩm và đồ uống, dược phẩm, năng lượng tái tạo. Bên cạnh đó, ngành công nghiệp chế biến và chế tạo của Việt Nam cũng là lĩnh vực đầu tư được các tập đoàn Bỉ quan tâm. Trước đây, hầu hết các khoản đầu tư của các nhà đầu tư Bỉ tại Việt Nam tập trung vào cảng biển, cơ sở hạ tầng, bất động sản, sản xuất và phát điện. Với các dự án đầu tư từ các doanh nghiệp Bỉ, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Bỉ nói riêng và EU nói chung trong dài hạn sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan.

Mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Bỉ quý II và 6 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Tổng	957.286	27,3	66,1	1.709.165	51,6
Giày dép các loại	348.187	10,3	37,3	663.732	37,1
Sắt thép các loại	211.874	71,4	1.625,1	335.485	878,8
Hàng dệt, may	112.137	33,0	29,5	196.462	19,5
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	32.846	8,5	62,7	63.110	45,5
Hàng thủy sản	32.424	32,9	13,0	56.827	3,5
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	28.143	39,2	-2,3	48.358	-8,3
Cà phê	28.027	40,9	-25,8	47.924	-35,9
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	15.035	317,4	475,5	18.637	228,9
Gỗ và sản phẩm gỗ	18.368	19,4	99,6	33.754	57,8
Sản phẩm từ sắt thép	16.407	11,2	120,9	31.166	73,2
Sản phẩm từ chất dẻo	10.187	28,2	60,1	18.132	42,1
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	7.884	8,5	-2,8	15.153	2,0
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	6.419	53,8	25,9	10.591	4,1
Hạt điều	5.248	-27,6	-31,6	12.493	-12,4
Cao su	2.572	-4,9	1.991,5	5.276	274,5
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	5.617	-29,2	40,4	13.552	10,9
Sản phẩm từ cao su	3.252	-24,6	42,9	7.567	105,8
Hạt tiêu	814	106,2	117,0	1.210	88,3

Mặt hàng	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Gạo	990	251,3	509,1	1.272	465,0
Sản phẩm gốm, sứ	761	-34,6	140,9	1.924	9,5
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện				133	
Hàng hóa khác	69.962	24,0	28,0	126.405	24,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu: Quý II/2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ thị trường Bỉ đã tăng trở lại, sau khi giảm trong 5 tháng cuối năm 2020 và quý I/2021, đạt 141,03 triệu USD, tăng 30,8% so với quý I/2021 và tăng 42,5% so với quý II/2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ thị trường Bỉ đạt 248,8 triệu USD, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, các mặt hàng nhập khẩu từ thị trường Bỉ tăng gồm: dược phẩm; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; sữa và sản phẩm từ sữa, sản phẩm hóa chất... Các mặt hàng nhập khẩu từ thị trường Bỉ tăng trong quý II và 6 tháng đầu năm 2021 hầu hết đều là các mặt hàng máy móc và nguyên liệu cho sản xuất.

Mặt hàng nhập khẩu từ thị trường Bỉ quý II và 6 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021 (Ng- hìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Tổng	141.031	30,8	42,5	248.834	12,9
Dược phẩm	46.262	35,9	69,0	80.293	11,9
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	8.156	21,7	-19,1	14.858	-27,5
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	18.698	110,1	132,8	27.596	14,1
Sữa và sản phẩm sữa	5.114	208,5	200,2	6.772	143,2
Sản phẩm hóa chất	5.948	31,1	22,4	10.486	9,0
Chất dẻo nguyên liệu	4.931	-23,2	-2,8	11.349	17,5
Phân bón các loại	3.240	-20,4	-26,6	7.312	-40,4
Hóa chất	3.672	35,6	53,4	6.381	32,8
Sản phẩm khác từ da thú	3.187	30,8	51,2	5.623	17,9
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	2.949	23,7	-13,2	5.332	-0,9
Kim loại thường khác	4.360	228,6	12,1	5.686	8,7
Vải các loại	1.316	23,2	15,9	2.384	8,9
Gỗ và sản phẩm gỗ	1.996	12,0	-31,8	3.777	-20,9
Sắt thép các loại	827	-38,1	57,7	2.163	-25,5
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	809	116,4	19,7	1.182	33,3
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	769	16,6	-12,7	1.429	-19,2
Sản phẩm từ sắt thép	466	-57,4	-18,1	1.562	44,3
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	712	-11,6	-6,3	1.517	-3,5
Cao su	310	121,3	33,2	450	-52,0
Chế phẩm thực phẩm khác	152	-60,3	-54,2	533	-26,9
Hàng hóa khác	27.159	8,7	53,9	52.147	60,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan



HIỆP ĐỊNH EVFTA

sẽ là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Ba Lan

Ba Lan tuy là một quốc gia nhỏ ở Trung Âu, nhưng lại là một thị trường quan trọng và năng động của Liên minh châu Âu. Nằm ở trung tâm của Trung Âu, với dân số 38 triệu người, triển vọng tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và là cửa ngõ vào các nước phương Tây và Đông Âu, cho phép tiếp cận rộng rãi hơn với thị trường 500 triệu người của Liên minh châu Âu. Ba Lan là một trong những thị trường xuất khẩu hàng hóa đầy tiềm năng trong khu vực. Trong những năm gần đây, nhập khẩu hàng hóa của Ba Lan liên tục tăng. Năm 2020, mặc dù chịu tác động của dịch Covid-19, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Ba Lan vẫn tăng 3,2% so với năm 2019, đạt 254,66 tỷ USD. Trong 4 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu hàng hóa của Ba Lan tiếp tục tăng mạnh, tăng 28,3% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 103,87 tỷ USD.

Mặc dù là thị trường nhiều tiềm năng, nhưng quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Ba Lan vẫn ở mức thấp. Trong các thị trường ngoài khối, Việt Nam hiện là thị trường cung cấp hàng hóa lớn thứ 12 cho Ba Lan với tỷ trọng chiếm 0,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của nước này; và là thị trường xuất khẩu hàng hóa đứng thứ 26 của Ba Lan với tỷ trọng chiếm 0,14%.

Với sự hỗ trợ của Hiệp định EVFTA, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Ba Lan đã tăng mạnh trở lại trong quý II và 6 tháng đầu năm 2021. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong quý II/2021, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Ba Lan đạt 657,2 triệu USD, tăng 2,3% so với quý I/2021 và tăng 42,5% so với quý II/2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Ba Lan đạt 1,3 tỷ USD, tăng 45,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam – Ba Lan quý II và 6 tháng đầu năm 2021

	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Thương mại hai chiều	657,2	2,3	42,5	1.300	45,6
Xuất khẩu	533,7	-1,3	38,7	1.074	44,7
Nhập khẩu	123,5	21,2	61,8	225	49,8
Cán cân thương mại	410,2	-6,5	33,0	849	43,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về xuất khẩu:

Quý II/2021, xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Ba Lan chậm lại khi giảm 1,3% so với quý I/2021 và chỉ tăng 0,5% so với quý II/2020. Tuy nhiên, tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Ba Lan vẫn tăng 44,7% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 1,07 tỷ USD.

Xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Ba Lan quý II/2021 chậm lại chủ yếu do xuất khẩu 2 mặt hàng lớn nhất là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng sang thị trường Ba Lan giảm so với quý I/2021, trong khi xuất khẩu sản phẩm từ sắt thép, hàng dệt may, hàng thủy sản tăng mạnh. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng sang thị trường EU tăng so với cùng kỳ năm 2020, trừ xuất khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; cà phê, bánh kẹo, sản phẩm từ ngũ cốc và gạo giã.

Xuất khẩu sản phẩm từ sắt thép của Việt Nam sang thị trường Ba Lan tăng mạnh khi nhu cầu của nước này tăng và sản phẩm của Việt Nam tăng khả năng cạnh tranh nhờ ưu đãi thuế của

Hiệp định EVFTA. Theo thống kê của Eurostat, trong 4 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu sản phẩm từ sắt thép của Ba Lan đạt 1,97 tỷ USD, tăng 16,69% so với cùng kỳ năm 2020. Ba Lan chủ yếu nhập khẩu sản phẩm này từ thị trường nội khối với tỷ trọng chiếm 69,7% trong tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng. Tuy nhiên, Ba Lan đang có xu hướng đẩy mạnh nhập khẩu từ thị trường ngoài khối khi tăng trưởng nhập khẩu từ thị trường ngoài khối cao hơn so với nội khối, ở mức 24,3% so với 13,6% trong 4 tháng đầu năm 2021. Đây là mặt hàng Việt Nam còn nhiều tiềm năng tăng trưởng tại thị trường này bởi thị phần sản phẩm từ sắt thép của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ba Lan vẫn ở mức thấp, chỉ chiếm 0,6% trong tổng nhập khẩu và 2,5% trong tổng nhập khẩu ngoại khối. Trong nhóm sản phẩm từ sắt thép các loại xuất khẩu sang thị trường Ba Lan, sản phẩm có mã HS 7318 là sản phẩm xuất khẩu lớn nhất, đây là mặt hàng có mức thuế ngay lập tức được giảm từ 3,7% về 0% kể từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu các mặt hàng tiêu dùng của Việt Nam như hàng dệt may, giày dép các loại, thủy sản, túi xách, ví, vali, mũ, ô dù... sang thị trường Ba Lan tăng

manh so với cùng kỳ năm 2020, khi tiêu dùng của nước này phục hồi. Theo Cơ quan thống kê Ba Lan, trong 6 tháng đầu năm 2021, doanh thu bán lẻ của Ba Lan ở hầu hết các nhóm hàng tăng so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng dệt, may, giày dép tăng 24,9%, doanh thu nhóm đồ nội thất, ti vi, đồ gia dụng cũng tăng 11,0%.

Nhìn chung, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Ba Lan tăng khi nhu cầu nhập khẩu của nước này tăng. Theo thống kê của Eurostat, trong 4 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu hàng hóa của Ba Lan đạt 27,5 tỷ Euro, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2020. Bên cạnh đó, với những ưu đãi về thuế quan từ Hiệp định EVFTA, các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm từ sắt thép, giày dép các loại, thủy sản, túi xách, ví, vali, mũ, ô dù... đã tận dụng được cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Ba Lan.

Trong dài hạn, Ba Lan là thị trường tiềm năng đối với nhiều ngành hàng của Việt Nam do cho đến nay thị phần hàng Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ba Lan vẫn ở mức thấp và Hiệp định EVFTA sẽ là yếu tố hỗ trợ hàng Việt Nam tăng sức cạnh tranh tại thị trường này. Theo thống kê của Eurostat, giày dép các loại là mặt hàng của Việt Nam chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng nhập khẩu của Ba Lan, chiếm 15% trong giai đoạn 2016 – 2020. Với những ưu đãi từ Hiệp định EVFTA, xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang thị trường Ba Lan trong 6

tháng đầu năm 2021 tiếp tục tăng 32,3% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 27,1 triệu USD.

Mặt hàng rau quả cũng là mặt hàng nhiều tiềm năng tại thị trường này. Theo Hiệp định EVFTA, 94% các loại rau quả, nước trái cây thuế đã về 0%, thị trường Ba Lan có nhu cầu rất cao về mặt hàng này, nhất là quả nhiệt đới như xoài, dưa, chanh leo. Tuy nhiên xuất khẩu nhóm sản phẩm này của Việt Nam sang thị trường Ba Lan không đáng kể. Nhu cầu các loại nước có đặc của xoài, dưa, chanh leo, nước mía, nước dừa đóng chai của Ba Lan cũng cao, sản lượng sản xuất doanh nghiệp Ba Lan không đủ cung cấp cho thị trường trong nước.

Về hàng thủy sản, Việt Nam có lợi thế đối với mặt hàng tôm do thuế tôm thẻ chân trắng đông lạnh xuất khẩu vào EU theo Hiệp định EVFTA sẽ giảm dần về 0% sau 5 năm, trong khi Thái Lan áp dụng mức thuế cơ bản 12%, Ấn Độ chịu thuế 4,2%, Indonesia thuế 4,2%. Trong khi đó, cho đến nay thị phần hàng thủy sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ba Lan vẫn ở mức thấp. Theo thống kê của Eurostat, trong 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu thủy sản của Ba Lan từ thị trường ngoài khối đạt 526,97 triệu USD, tăng 29,3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 1,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu thủy sản từ thị trường ngoài khối của Ba Lan.

Mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Ba Lan quý II và 6 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Tổng	533.699	-1,3	0,5	1.074.308	44,7
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	268.628	-13,9	0,4	580.492	57,8
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	48.609	-23,4	0,5	112.080	-0,6
Sản phẩm từ sắt thép	24.655	114,5	1,8	36.150	113,4
Hàng dệt, may	22.801	21,8	0,2	41.517	18,4
Giày dép các loại	13.750	2,7	0,4	27.143	32,3
Hàng thủy sản	10.670	69,3	1,3	16.973	40,8
Cà phê	9.779	-6,7	-0,1	20.262	-14,0
Sản phẩm từ chất dẻo	9.422	4,6	0,1	18.432	23,6
Gỗ và sản phẩm gỗ	5.372	-35,8	0,3	13.735	3,5
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	3.756	12,8	0,5	7.086	31,6
Sản phẩm từ cao su	3.753	96,4	0,4	5.665	74,4
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	3.432	3,9	-0,5	6.736	-44,3
Hạt tiêu	2.783	48,8	0,4	4.654	10,3
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	2.544	12,5	0,7	4.806	60,1
Gạo	1.443	80,5	-0,3	2.242	-18
Chè	117	-68,1	2	485	258,7
Hàng hóa khác	102.185	38,7	1,2	175.851	86,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu:

Trong quý II/2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Ba Lan đạt 123,5 triệu USD, tăng 21,2% so với quý I/2021 và tăng 66,5% so với quý II/2020, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu từ Ba Lan trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 225,3 triệu USD, tăng 49,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ thị trường Ba Lan tăng chủ yếu do nhập khẩu kim loại thường từ thị trường này tăng rất mạnh.

Mặt hàng nhập khẩu từ thị trường Ba Lan quý II và 6 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Quý II/2021 (Nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	So với quý II/2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Tổng	123.471	21,2	66,5	225.312	49,8
Kim loại thường khác	21.688	54	1.276,60	35.775	2.126,70
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	20.258	-33,1	102,8	50.555	54,1
Dược phẩm	16.077	75,4	68,6	25.241	20,3
Sữa và sản phẩm sữa	9.888	275,1	-16,9	12.524	-10,4
Cao su	3.710	12,6	116,3	7.004	148,7
Sản phẩm từ sắt thép	2.817	25,2	217,7	5.067	110,6
Phế liệu sắt thép	2.619	181,2	-3.183,30	3.551	
Hàng thủy sản	2.320	48,5	-36,9	3.882	-28
Chất thơm, phẩm và chế phẩm vệ sinh	1.663	11	11,6	3.161	15,7
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1.108	15,4	-53,3	2.067	-46,9
Chế phẩm thực phẩm khác	887	33,9	-31,3	1.550	-17,2
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	480	-61,1	-36,3	1.713	1,0
Sắt thép các loại	186		-77,3	186	-77,3
Hàng hóa khác	39.771	19,6	40,8	73.036	22,8
Gạo	1.443	80,5	-0,3	2.242	-18
Chè	117	-68,1	2	485	258,7
Hàng hóa khác	102.185	38,7	1,2	175.851	86,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

EC gia hạn biện pháp tự vệ đối với thép nhập khẩu của một số nước trong đó có Việt Nam

Ngày 8/7/2021, Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) cho biết đã nhận được thông tin về việc Ủy ban Châu Âu (EC) ban hành kết luận cuối cùng đợt rà soát cuối kỳ biện pháp tự vệ đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu.

Theo đó, EC kết luận rằng ngành sản xuất nội địa Liên minh Châu Âu (EU) sẽ tiếp tục bị thiệt hại nghiêm trọng nếu không gia hạn biện pháp tự vệ, và các nhà sản xuất thép EU vẫn đang thực hiện điều chỉnh để thích nghi với sự gia tăng nhập khẩu thép.

Vì vậy, EC quyết định gia hạn thời gian áp dụng biện pháp tự vệ theo hình thức hạn ngạch thuế quan (TRQ) đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu thêm 3 năm (có hiệu lực từ 1/7/2021 - 30/6/2024).

Theo kết luận này, EC tiếp tục duy trì cách thức phân bổ hạn ngạch kết hợp giữa phân bổ hạn ngạch riêng theo từng nước và hạn ngạch chung cho các nước còn lại. Thuế trong hạn ngạch là 0%, trong khi thuế ngoài hạn ngạch là 25%.

Việt Nam tiếp tục bị áp dụng hạn ngạch thuế quan chung với các nước khác theo từng quý đối với các sản phẩm thép nhóm 2 (thép tấm cán nguội); nhóm 5 (thép mạ, phủ, tráng); nhóm 9 (thép tấm không gỉ); nhóm 24 (ống thép đúc). Đối với các nhóm sản phẩm thép khác, Việt Nam được loại trừ theo tiêu chí nước đang phát triển có thị phần nhập khẩu không đáng kể (dưới 3%). Trường hợp thị phần nhập khẩu một nhóm sản phẩm thép khác từ Việt Nam vào thị trường EU vượt quá 3%, nhóm này sẽ bị đưa vào danh sách áp dụng hạn ngạch thuế quan trong các lần rà soát hàng chính.

Mức hạn ngạch thuế quan mà EC áp dụng từ 1/7/2021 - 30/6/2022

Nhóm sản phẩm	TRQ toàn cầu (tấn)			
	Quý 3/2021	Quý 4/2021	Quý 1/2022	Quý 2/2022
Nhóm 2 (thép tấm cán nguội)	265.739,79	265.739,79	259.962,84	262.851,32
Nhóm 5 (thép mạ, phủ, tráng)	39.845,48	39.845,48	38.979,27	39.412,38
Nhóm 9 (thép tấm không gỉ)	48.986,92	48.986,92	47.921,98	48.454,45
Nhóm 24 (ống thép đúc)	37.336,95	37.336,95	36.525,28	36.931,12

EU ban hành danh mục các sản phẩm, các chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ

Theo thông tin từ Thương vụ Việt Nam tại Bỉ, Luxembourg và EU, Ủy ban Châu Âu đã ban hành Quy định thực thi mới số 2021/1165 (Commission Implementing Regulation (EU) 2021/1165) về việc ban hành danh mục các sản phẩm, các chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ.

Quy định mới này thay thế Quy định của Ủy ban Châu Âu (EC) số 889/2008 về việc Quy định chi tiết về sản xuất hữu cơ và dán nhãn các sản phẩm hữu cơ liên quan đến sản xuất, dán nhãn và kiểm soát hữu cơ (Regulation (EC) No 889/2008).

Quy định mới 2021/1165 thiết lập danh mục chi tiết các loại sản phẩm và các chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ ở tất cả các công đoạn trong quá trình sản xuất hữu cơ đối với sản xuất trồng trọt, chăn nuôi thủy sản. Đối với trồng trọt, quy định danh mục các chất được phép sử dụng trong phân bón, xử lý đồng ruộng, dinh dưỡng, bảo vệ cây trồng. Đối với chăn nuôi, Quy định chi tiết danh mục các loại phụ gia bổ sung trong thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi không phải là sản phẩm hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men hoặc nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất, các chất vệ sinh khử trùng trong chăn nuôi, chế biến thức ăn chăn nuôi. Trong chế biến, quy định danh mục các loại phụ gia thực phẩm, vệ sinh, khử trùng, các thành phần sản phẩm phi hữu cơ được sử dụng để chế biến, sản xuất thực phẩm hữu cơ.

Quy định này cũng đưa ra quy định về Thủ tục cấp phép cụ thể cho việc sử dụng các sản phẩm và các chất ở một số lĩnh vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhất định của các nước thứ ba.

EU ban hành Quy định mới này thực hiện chi tiết Quy định số 2018/848 của Hội đồng châu Âu sản xuất sản phẩm hữu cơ và việc dán nhãn sản phẩm hữu cơ nhằm hướng tới thực hiện Chiến lược "Farm to Fork" (từ nông trại đến bàn ăn) là trọng tâm của Thỏa thuận xanh châu Âu (EU Green Deal) với mục tiêu tạo ra các hệ thống thực phẩm công bằng, lành mạnh và thân thiện với môi trường, trong đó EU đặt ra mục tiêu đạt 25% diện tích đất nông nghiệp được canh tác hữu cơ vào năm 2030.

Quy định sẽ có hiệu lực từ ngày 1/1/2022 và một phần có hiệu lực từ tháng 1/2024 liên quan đến các sản phẩm và chất được sử dụng trong quá trình khử trùng, vệ sinh đồng ruộng, ao nuôi chuồng trại. ◀

Một vài nét đáng chú ý về tình hình kinh tế EU trong quý II/2021

Trong quý II/2021, kinh tế toàn cầu ghi nhận những diễn biến tích cực hơn trong bối cảnh nhiều quốc gia đã kiểm soát được đại dịch Covid-19 nhờ việc triển khai hàng loạt biện pháp siết chặt và nỗ lực đẩy nhanh tiến trình tiêm chủng vaccine. Tuy nhiên, kể từ cuối quý II/2021 đến nay, tốc độ lây lan dịch bệnh tại nhiều quốc gia có xu hướng tăng trở lại với sự bùng phát mạnh mẽ của chủng virus SARS-CoV-2 mới là các biến thể Delta và Delta Plus. Diễn biến này buộc chính phủ các nước phải tăng tốc tiêm chủng và siết chặt các biện pháp phòng dịch để tránh một làn sóng Covid-19 mới. Mặc dù vậy, trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới cập nhật ngày 27/7/2021, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã dự báo kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng 6% trong năm nay, không thay đổi so với dự báo được đưa ra trong tháng 4/2021, đồng thời nâng dự báo tăng trưởng toàn cầu trong năm 2022 lên 4,9%, tăng so với dự báo 4,4% được đưa ra trong tháng 4/2021.

Trong khi đó, tại châu Âu, các biện pháp kiểm soát đại dịch cùng với những gói hỗ trợ của chính quyền châu lục đã đem lại hiệu quả tích cực. Hàng loạt quốc gia trong khu vực đã nới lỏng các biện pháp hạn chế, nhu cầu tiêu dùng dần hồi phục, niềm tin của người tiêu dùng và doanh nghiệp có sự cải thiện mạnh mẽ.

Trong tháng 6/2021, Liên minh châu Âu (EU) đã giải chi khoản tiền mặt đầu tiên từ quỹ phục hồi hậu Covid-19 để tạo việc làm và

hỗ trợ các doanh nghiệp ở các nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Quỹ phục hồi kinh tế hậu Covid-19 là một phần trong gói ngân sách dài hạn đến năm 2027 của EU, với tổng trị giá 1.800 tỷ Euro (2.190 tỷ USD) nhằm giải quyết những hậu quả về kinh tế và xã hội sau khi đại dịch Covid-19 bùng phát. Những yếu tố này được xem là đòn bẩy quan trọng khiến kinh tế nhiều quốc gia trong châu Âu đạt tốc độ tăng trưởng vượt bậc trong quý II/2021, sau thời gian dài suy thoái. Trong báo cáo mới nhất, IMF đã nâng dự báo tăng trưởng của khu vực Eurozone trong năm 2021 lên 4,6%, cao hơn so với mức dự báo đạt 4,4% trong báo cáo tháng 4/2021. Trong đó, Đức, Pháp, Italia và Tây Ban Nha được dự báo lần lượt tăng trưởng 3,6%; 5,8%; 4,9% và 6,2% trong năm 2021.

Tăng trưởng GDP:

Theo số liệu sơ bộ của Eurostat, trong quý II/2021, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của các nền kinh tế thành viên Liên minh EU tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước và tăng 2% so với quý trước. Trong đó, kinh tế khu vực Eurozone đạt mức tăng tương ứng 13,7% và 2%. Trong số các quốc gia thành viên, Bồ Đào Nha được ghi nhận có mức tăng trưởng cao nhất với GDP quý II/2021 tăng tới 4,9% so với quý trước, tiếp theo là Áo với mức tăng trưởng 4,3% và Latvia tăng 3,7%. Ở chiều ngược lại, Lithuania (tăng 0,4%) và CH Séc (tăng 0,6%) ghi nhận mức tăng thấp

Tỷ lệ tăng trưởng GDP của EU trong quý II/2021

Nước/khu vực	So sánh với quý trước đó (%)		So sánh cùng kỳ năm trước (%)	
	Quý I/2021	Quý II/2021	Quý I/2021	Quý II/2021
Eurozone	-0,3	2,0	-1,3	13,7
Liên minh EU	-0,1	1,9	-1,3	13,2
Bỉ	1,1	1,4	-0,5	14,5
CH Séc	-0,3	0,6	-2,4	7,8
Đức	-1,8	1,5	-3,1	9,2
Tây Ban Nha	-0,4	2,8	-4,2	19,8
Pháp	0	0,9	1,7	18,7
Italia	0,2	2,7	-0,7	17,3
Latvia	-1,7	3,7	-1,2	10,0
Áo	-1,1	4,3	-4,5	11,4
Bồ Đào Nha	-3,2	4,9	-5,3	15,5
Thụy Điển	0,8	0,9	-0,1	10,0

Nguồn: Eurostat

Tỷ lệ lạm phát:

Theo Eurostat, trong tháng 6/2021, tỷ lệ lạm phát hàng năm của Liên minh châu Âu (EU) ở mức 2,2%, thấp hơn so với mức 2,3% trong tháng 5/2021, nhưng cao hơn so với mức 0,8% trong tháng 6/2020. Riêng khu vực Eurozone, tỷ lệ lạm phát hàng năm trong tháng 6/2021 đứng ở mức 1,9%, giảm so với mức 2% trong tháng trước, nhưng sang tháng 7/2021, lạm phát tại Eurozone ước tính có thể lên tới 2,2%.

Trong tháng 6/2021, tỷ lệ lạm phát hàng năm thấp nhất được ghi nhận tại Bồ Đào Nha (giảm 0,6%), Manta (tăng 0,2%)

và Hy Lạp (tăng 0,6%). Tỷ lệ lạm phát hàng năm cao nhất được ghi nhận ở Hungary (tăng 5,3%), Ba Lan (tăng 4,1%) và Estonia (tăng 3,7%). So với tháng 5/2021, lạm phát hàng năm giảm ở 12 quốc gia thành viên, duy trì ổn định ở 4 nước và tăng 11 nước.

Trong tháng 6/2021, đóng góp cao nhất vào tỷ lệ lạm phát hàng năm của EU là từ các mặt hàng năng lượng (tăng 1,16 điểm phần trăm), tiếp theo là hàng hóa công nghiệp phi năng lượng (tăng 0,31 điểm phần trăm), dịch vụ (tăng 0,28 điểm phần trăm) và thực phẩm, rượu và thuốc lá (tăng 0,15 điểm phần trăm).

Tỷ lệ lạm phát hàng năm của một số thành viên Liên minh châu Âu (%)

Thị trường	Tháng 6/2020	Tháng 1/2021	Tháng 2/2021	Tháng 3/2021	Tháng 4/2021	Tháng 5/2021	Tháng 6/2021
EU	0,8	1,2	1,3	1,7	2,0	2,3	2,2
Bỉ	0,2	0,6	0,3	1,6	2,1	2,5	2,6
Bungari	0,9	-0,3	0,2	0,8	2,0	2,3	2,4
CH Séc	3,4	2,2	2,1	2,3	3,1	2,7	2,5
Đan Mạch	0,2	0,4	0,5	0,9	1,5	1,9	1,9
Đức	0,8	1,6	1,6	2,0	2,1	2,4	2,1
Tây Ban Nha	-0,3	0,4	-0,1	1,2	2,0	2,4	2,5
Pháp	0,2	0,8	0,8	1,4	1,6	1,8	1,9
Italia	-0,4	0,7	1,0	0,6	1,0	1,2	1,3
Latvia	-1,1	-0,5	-0,2	0,3	1,7	2,6	2,7
Hungary	2,9	2,9	3,3	3,9	5,2	5,3	5,3
Hà Lan	1,7	1,6	1,9	1,9	1,7	2,0	1,7
Áo	1,1	1,1	1,4	2,0	1,9	3,0	2,8
Ba Lan	3,8	3,6	3,6	4,4	5,1	4,6	4,1
Bồ Đào Nha	0,2	0,2	0,3	0,1	-0,1	0,5	-0,6
Phần Lan	0,1	1,0	0,9	1,4	2,2	2,3	1,9
Thụy Điển	0,9	1,9	1,8	2,1	2,8	2,4	1,8

Nguồn: Eurostat

Sản lượng công nghiệp

Theo Eurostat, sản lượng công nghiệp được điều chỉnh theo mùa của EU trong tháng 5/2021 giảm 0,9% so với tháng 4/2021, nhưng tăng 21,2% so với tháng 5/2020. Tính chung 5 tháng đầu năm 2021, sản lượng công nghiệp của EU tăng 21,2% so với cùng kỳ năm trước.

Riêng đối với khu vực Eurozone, sản lượng công nghiệp trong tháng 5/2021 giảm 1% so với tháng trước, giảm mạnh hơn so với mức dự báo chỉ giảm 0,2% trước đó. So với cùng kỳ năm trước, sản lượng công nghiệp trong tháng 5/2021 tăng 20,5% khi nền kinh tế phục hồi từ giai đoạn chịu ảnh hưởng mạnh nhất của đại dịch Covid-19 vào năm 2020.

Trong đó, giảm mạnh nhất là Rumani (giảm 8,5%), Hy Lạp (giảm 4,7%) và Ai Len (giảm 4,6%). Mức tăng cao nhất ghi nhận ở Litva (tăng 7,7%), Hungary (tăng 3,4%) và Phần Lan (tăng 2,2%).

Tháng 5/2021 so với tháng 5/2020, sản xuất hàng tiêu dùng lâu bền tại EU tăng 39,1%, hàng hóa vốn tăng 29,6%, hàng hóa trung gian tăng 24,2%, hàng tiêu dùng không lâu bền tăng 10,1% và năng lượng tăng 7,1%.

Tỷ lệ thất nghiệp

Trong tháng 6/2021, tỷ lệ thất nghiệp được điều chỉnh theo mùa của EU là 7,1%, giảm so với mức 7,3% trong tháng 5/2021. Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp khu vực Eurozone là 7,7%, giảm từ 8% trong tháng 5/2021. Trong số các nền kinh tế lớn nhất của EU, tỷ lệ thất nghiệp cao nhất được ghi nhận ở Hy Lạp (15,4%), Tây Ban Nha (15,3%), Italia (10,5%).

Chỉ số PMI

Theo số liệu của IHS Markit, chỉ số quản lý thu mua (PMI) của khu vực Eurozone trong tháng 7/2021 đạt 60,2 điểm, mặc dù thấp hơn so với mức 60,6 điểm theo ước tính sơ bộ trước đó, nhưng đã cải thiện đáng kể so với mức 59,6 điểm trong tháng 6/2021 và ghi nhận mức cao nhất kể từ tháng 6/2006. Nguyên nhân chính là nhờ hoạt động của ngành dịch vụ bùng nổ khi người dân tranh thủ hạn chế nói lỏng để tăng chi tiêu. Chỉ số PMI ngành dịch vụ trong tháng

7/2021 đạt 59,8 điểm, thấp hơn so với mức ước tính 60,4 điểm trước đó, nhưng cao hơn so với mức 58,3 điểm trong tháng 6/2021 và đánh dấu mức cao nhất của chỉ số này trong 15 năm qua. Tuy nhiên, những vấn đề về chuỗi cung ứng khiến sản lượng của ngành sản xuất bị hạn chế. Chỉ số PMI ngành sản xuất của Eurozone trong tháng 7/2021 chỉ đạt 62,8 điểm, giảm so với mức cao kỷ lục 63,4 điểm trong tháng 6/2021 và cao hơn mức ước tính là 62,6 điểm.

Doanh thu bán lẻ

Việc nói lỏng các quy định phòng chống dịch và đặc biệt là mở cửa trở lại những lĩnh vực kinh doanh không thiết yếu là nguyên nhân chính đẩy doanh thu bán lẻ tăng về gần mức trước đại dịch. Riêng trong tháng 6/2021, doanh thu bán lẻ của Eurozone tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 5% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn so với mức ước tính tăng 4,5% trước đó.

Mặc dù đã đạt được một số tín hiệu tích cực, nhưng nhìn chung kinh tế châu Âu nói chung và EU nói riêng vẫn còn nhiều thách thức phía trước cần phải tập trung ứng phó, nhất là trong bối cảnh đại dịch Covid-19 có nguy cơ tăng cao trở lại, đặc biệt là từ đầu tháng 7/2021, trước sự bùng phát của các biến chủng virus mới. Bên cạnh đó, sự gián đoạn chuỗi cung ứng và thiếu hụt lao động khiến giá đầu vào tăng mạnh cũng là những yếu tố quan trọng góp phần làm giảm đi sự lạc quan và hạn chế hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp. Từ ngày 1/7/2021, tất cả các quốc gia thành viên EU cùng chính thức chấp nhận du khách từ các nước có chứng chỉ Covid-19 kỹ thuật số EU, qua đó tạo điều kiện đi lại thuận tiện hơn, cho phép tái khởi động nền kinh tế, đặc biệt là ngành du lịch, nhưng đây cũng đồng thời là rủi ro tiềm ẩn dẫn tới đại dịch bùng phát mạnh mẽ hơn.

Trước diễn biến này, trong cuộc họp chính sách diễn ra vào tuần cuối tháng 7/2021, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định giữ nguyên các lãi suất chủ chốt ở mức thấp kỷ lục và các chính sách kích thích kinh tế nhằm tiếp tục hỗ trợ nền kinh tế. Cụ thể, ECB quyết định duy trì lãi suất đối với các hoạt động tái cấp vốn ở mức 0%, lãi suất cho vay ở mức 0,25% và lãi suất tiền gửi là âm 0,5%. Các mức lãi suất chủ chốt này sẽ được duy trì cho tới khi đạt được mục tiêu lạm phát 2%.

Thương mại của EU với thị trường ngoại khối tăng mạnh trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2021

Hoạt động thương mại của EU với thị trường ngoại khối sau khi giảm trong 2 tháng đầu năm nay thì đã tăng mạnh trở lại từ tháng 3/2021, bất chấp diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19. Việc nới lỏng các biện pháp kiểm soát dịch Covid-19, nhờ đẩy mạnh chương trình tiêm chủng vaccine ngừa Covid-19, được xem là đòn bẩy thúc đẩy hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của Liên minh châu Âu.

Theo ước tính của Eurostat, xuất khẩu hàng hóa của EU sang thị trường ngoại khối trong tháng 5/2021 đạt 172,3 tỷ EUR (203,3 tỷ USD), tăng 32,8% so với tháng 5/2020. Nhập khẩu hàng hóa của EU từ thị trường ngoại khối trong tháng 5/2021 đạt 164,4 tỷ EUR (194 tỷ USD), tăng 33,7% so với tháng

5/2020. EU ghi nhận thặng dư hàng hóa 7,9 tỷ EUR (9,3 tỷ USD) với thị trường ngoại khối trong tháng 5/2021, cao hơn so với mức thặng dư 6,6 tỷ EUR (7,8 tỷ USD) trong tháng 5/2020.

Trong 5 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hàng hóa của EU sang thị trường ngoại khối ước đạt 860,2 tỷ EUR (1.015 tỷ USD), tăng 12,0% so với cùng kỳ năm 2020. Nhập khẩu hàng hóa của EU từ thị trường ngoại khối ước đạt 791,1 tỷ EUR (933,5 tỷ USD), tăng 11,0% so với cùng kỳ năm 2020. Như vậy, trong 5 tháng đầu năm 2021 EU ghi nhận thặng dư thương mại với thị trường ngoại khối 69,1 tỷ EUR (81,5 tỷ USD), tăng so với mức thặng dư 55,2 tỷ EUR (65,1 tỷ USD) trong 5 tháng đầu năm 2020.

Thương mại hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2021

Tỷ giá 1 EUR = 1,18 USD

Hoạt động	Tháng 5/2020		Tháng 5/2021		So sánh (%)	5 tháng 2020		5 tháng 2021		So sánh (%)
	TỶ EUR	TỶ USD	TỶ EUR	TỶ USD		TỶ EUR	TỶ USD	TỶ EUR	TỶ USD	
Xuất khẩu ngoài EU	129,7	153,0	172,3	203,3	32,8	767,9	906,1	860,2	1.015,0	12,0
Nhập khẩu ngoài EU	123	145,1	164,4	194,0	33,7	712,7	841,0	791,1	933,5	11,0
Cán cân thương mại ngoài EU	6,6	7,8	7,9	9,3		55,2	65,1	69,1	81,5	

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

Các đối tác thương mại chính của EU

(ĐVT: TỶ EUR)

Thị trường	EU xuất khẩu			EU nhập khẩu			Cán cân thương mại	
	5 tháng 2020	5 tháng 2021	So sánh (%)	5 tháng 2020	5 tháng 2021	So sánh (%)	5 tháng 2020	5 tháng 2021
Trung Quốc	75,9	92,5	21,9	148,5	174,6	17,6	-72,5	-82,1
Hoa Kỳ	145,2	156,6	7,9	90,7	89,6	-1,2	54,5	66,9
Anh	107,1	110,6	3,3	68	53,3	-21,6	39,2	57,2
Thụy Sĩ	58	63,8	10,0	46,1	48,9	6,1	11,9	14,9
Nga	31,3	35,2	12,5	43,2	54,7	26,6	-11,9	-19,4
Thổ Nhĩ Kỳ	26,1	32,2	23,4	24	30,6	27,5	2,1	1,6
Nhật Bản	23,6	25	5,9	23,9	25,8	7,9	-0,3	-0,8
Na Uy	19,3	22,3	15,5	18,1	23	27,1	1,1	-0,8
Hàn Quốc	18,7	20,9	11,8	18,7	22,2	18,7	0,0	-1,3
Ấn Độ	11,5	16,7	45,2	14	17,8	27,1	-2,5	-1,2

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

Tháng 5/2021 so với tháng 5/2020, hầu hết quốc gia thành viên EU đều tăng xuất khẩu sang các thị trường ngoại khối, ngoại trừ Síp giảm 26,2%; Ai Len giảm 0,5%. Ngược lại, mức tăng cao nhất được ghi nhận ở Hy Lạp tăng 68%; Bồ Đào Nha tăng 62,6%; Rumani tăng 60,8%.

5 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020, nhiều quốc gia thành viên EU tăng xuất khẩu sang các thị trường ngoài EU, ngoại trừ Ai Len và Síp giảm lần lượt 4,0% và 29%.

Đối với hàng nhập khẩu ngoài EU, tháng 5/2021 so với tháng 5/2020, tất cả các quốc gia thành viên đều tăng nhập khẩu ngoài EU. Mức tăng cao nhất ở Latvia tăng 104,7%; Litva tăng 87,3% và Slovakia tăng 83%.

5 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020, tất cả các quốc gia thành viên EU tăng nhập khẩu hàng hóa từ thị trường ngoại khối, ngoại trừ Síp và Manta.

Thương mại hàng hóa của các quốc gia thành viên EU với thị trường ngoại khối

(DVT: Tỷ EUR)

Thị trường	Xuất khẩu				Nhập khẩu				Cán cân thương mại			
	Tổng		Ngoại khối EU		Tổng		Ngoại khối EU		Tổng		Ngoại khối EU	
	5 tháng 2021	So sánh (%)	5 tháng 2021	So sánh (%)	5 tháng 2021	So sánh (%)	5 tháng 2021	So sánh (%)	5 tháng 2021	So sánh (%)	5 tháng 2021	So sánh (%)
Bỉ	178,1	18	58,6	10	162	12	60,7	4	16	6,2	-2,2	-4,9
Bungari	13,5	19	4,4	12	14,9	23	5,7	21	-1,4	-0,8	-1,3	-0,8
CH Séc	79,2	25	15,5	19	70,4	20	18,1	13	8,7	4,6	-2,7	-3,1
Đan Mạch	42,4	7	20,3	5	40,2	16	13,2	21	2,3	5	7,1	8,5
Đức	556,2	16	254,2	11	474,1	13	169,8	6	82,2	62,8	84,4	68,6
Estonia	7,0	27	2,4	37	7,6	28	2,2	44	-0,6	-0,5	0,2	0,2
Ai Len	64,4	-3	38,9	-4,0	37,8	12	22,6	7	26,6	33,1	16,3	19,5
Hy Lạp	15,2	24	7	33	23,5	19	10,8	21	-8,3	-7,5	-3,8	-3,7
Tây Ban Nha	128,7	23	48,5	18	133,6	17	57,5	11	-4,9	-9,7	-9,1	-10,7
Pháp	196,1	16	88,8	15	237	17	77,6	7	-40,9	-33,1	11,2	4,9
Croatia	7,1	25	2,3	27	11,1	19	2,7	33	-4	-3,7	-0,4	-0,2
Italia	205,1	24	96,1	22	182,1	22	75,8	19	23	16,7	20,4	15,1
Síp	1,0	-21	0,6	-29	3,3	12	1,2	-7	-2,3	-1,7	-0,5	-0,3
Latvia	6,4	18	2,3	15	7,3	20	1,8	31	-0,9	-0,6	0,5	0,6
Litva	12,9	17	5,5	17	13,8	22	4,1	18	-0,9	-0,3	1,4	1,2
Luxembua	5,6	14	1,0	6	8,4	17	0,9	2	-2,8	-2,3	0,1	0
Hungary	49	21	10,4	18	47	19	13,3	17	1,9	0,9	-3	-2,6
Manta	1,0	8	0,5	2	2,1	3	0,9	-4	-1,1	-1,1	-0,4	-0,5
Hà Lan	273,4	14	84,1	2	243,1	15	139,9	12	30,4	27,2	-55,7	-43,1
Áo	67,9	14	21,1	14	71,8	18	16,8	14	-3,9	-1,3	4,3	3,8
Ba Lan	112,7	24	28,2	18	109,2	23	35,3	20	3,5	2	-7,1	-5,5
Bồ Đào Nha	26	25	7,4	22	31,5	14	8	3	-5,4	-6,7	-0,5	-1,6
Rumani	29,6	25	7,4	15	38,7	25	10,3	23	-9,1	-7,5	-2,8	-1,9
Slovenia	18,8	18	6,2	17	17,8	22	7,3	22	1	1,4	-1	-0,6
Slovakia	36	31	7,2	35	35,1	24	7,3	22	0,9	-0,8	-0,1	-0,7
Phần Lan	25,7	11	11,7	12	26,9	10	7,6	7	-1,2	-1,3	4,1	3,3
Thụy Điển	63,8	14	29,6	9	61,8	17	19,7	12	2	3,4	9,8	9,6

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

EU nhập khẩu hàng hóa từ thị trường ngoại khối và thị phần của Việt Nam

Tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2021, các thị trường ngoại khối cung cấp hàng hóa lớn nhất cho EU gồm: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Anh, Nga, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Na Uy, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ.

Tháng 4/2021 so với tháng 4/2020, EU tăng nhập khẩu hàng hóa từ tất cả các thị trường cung cấp lớn. Mức tăng cao ghi nhận ở một số thị trường như: Nga tăng 91%; Thổ Nhĩ Kỳ tăng 88,7%; Ấn Độ tăng 86,8%. Tuy nhiên, tính chung 4 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu hàng hóa của EU từ hầu hết các thị trường cung cấp ngoài khối lớn vẫn giảm, ngoại trừ Anh.

Việt Nam là thị trường cung cấp hàng hóa ngoài khối lớn thứ 11 cho EU. Số liệu thống kê từ Eurostat cho thấy, EU nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam trong tháng 4/2021 đạt 2,85 tỷ EUR (3,36 tỷ USD), giảm 16,9% so với tháng 3/2021, nhưng tăng 31,3% so với tháng 4/2020. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, EU nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam đạt 12,33 tỷ EUR (14,55 tỷ USD), tăng 11,1% so với 4 tháng đầu năm 2020. Thị phần hàng hóa của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ thị trường ngoại khối của EU chiếm 1,97% trong 4 tháng đầu năm 2021, cao hơn so với 1,88% trong 4 tháng đầu năm

2020. Với kết quả đạt được trong 4 tháng đầu năm 2021 trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng container rỗng cho thấy Hiệp định EVFTA đã phát huy tác dụng, giúp hàng hóa của Việt Nam có lợi thế cạnh tranh tại thị trường EU.

So với các thị trường nhập khẩu ngoại khối, tốc độ nhập khẩu hàng hóa của EU từ Việt Nam tăng, trong khi nhập khẩu từ nhiều thị trường ngoại khối khác giảm hoặc tăng trưởng thấp hơn. Số liệu thống kê cho thấy, trong 4 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu hàng hóa của EU từ Singapore giảm 28,1%; Indonesia giảm 4,7%. Tốc độ nhập khẩu hàng hóa của EU từ Thái Lan tăng 10,9%, thấp hơn so với tốc độ tăng từ Việt Nam là 11,1%. Tuy nhiên, so với hầu hết các thị trường ngoại khối khác thì hàng hóa Việt Nam đang chịu sự cạnh tranh gay gắt tại thị trường EU. Điển hình là Trung Quốc, tốc độ nhập khẩu hàng hóa của EU từ Trung Quốc trong tháng 4/2021 tăng trưởng tháng thứ 2 liên tiếp, mức tăng 16,3%, nâng tốc độ nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm 2021 tăng 25,5%. Hay như thị trường Ấn Độ, tốc độ nhập khẩu hàng hóa của EU từ Ấn Độ trong tháng 4/2021 tăng mạnh 86,8%, nâng tốc độ nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm 2021 tăng 14,5% (4 tháng đầu năm 2020 và 2021, Ấn Độ đều chịu ảnh hưởng nặng nề do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp).

Thương mại hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2021

Tỷ giá 1 EUR = 1,18 USD

Thị trường	Tháng 4/2021		So với tháng 4/2020 (%)	4 tháng năm 2021		So với 4 tháng năm 2020 (%)	Thị phần (%)	
	Triệu EUR	Triệu USD		Triệu EUR	Triệu USD		4 tháng 2021	4 tháng 2020
EU ngoại khối	166.258	196.184	33,0	626.676	739.478	6,3	100,00	100,00
Trung Quốc	34.580	40.804	16,3	139.523	164.637	22,5	22,26	19,31
Hoa Kỳ	18.444	21.764	8,7	70.933	83.701	-8,0	11,32	13,08
Anh	11.730	13.842	4,5	41.786	49.308	-27,0	6,67	9,70
Nga	11.464	13.528	91,0	42.529	50.185	12,5	6,79	6,41
Thụy Sĩ	10.257	12.103	31,6	38.969	45.983	3,2	6,22	6,40
Thổ Nhĩ Kỳ	6.655	7.853	88,7	24.751	29.206	20,7	3,95	3,48
Nhật Bản	5.530	6.526	25,9	20.405	24.078	2,4	3,26	3,38
Na Uy	4.753	5.608	72,7	18.364	21.669	20,1	2,93	2,59
Hàn Quốc	4.702	5.548	33,1	17.606	20.775	15,9	2,81	2,58
Ấn Độ	4.370	5.157	86,8	14.322	16.900	14,5	2,29	2,12
Việt Nam	2.851	3.364	31,3	12.329	14.549	11,1	1,97	1,88
Braxin	2.795	3.298	24,7	9.216	10.875	5,6	1,47	1,48
Đài Loan	2.718	3.208	21,4	10.241	12.085	11,8	1,63	1,55
Malaysia	2.650	3.126	57,2	9.449	11.150	20,5	1,51	1,33
Mêhicô	2.485	2.932	67,0	7.563	8.924	5,9	1,21	1,21
Nam Phi	2.067	2.439	72,5	7.167	8.457	28,1	1,14	0,95
Canada	1.945	2.295	50,9	7.242	8.545	4,2	1,16	1,18

Thị trường	Tháng 4/2021		So với tháng 4/2020 (%)	4 tháng năm 2021		So với 4 tháng năm 2020 (%)	Thị phần (%)	
	Triệu EUR	Triệu USD		Triệu EUR	Triệu USD		4 tháng 2021	4 tháng 2020
Thái Lan	1.906	2.249	38,1	6.873	8.110	10,9	1,10	1,05
Ukraina	1.759	2.075	36,1	6.610	7.799	12,8	1,05	0,99
Marôc	1.639	1.934	130,2	6.308	7.443	19,6	1,01	0,89

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

Về mặt hàng

4 tháng đầu năm 2021, diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh của hầu hết các quốc gia thành viên EU và những khó khăn trong hoạt động logistics đã ảnh hưởng đến nhập khẩu nhiều mặt hàng của EU.

Theo số liệu thống kê từ Eurostat, nhập khẩu hầu hết các nhóm hàng nông, thủy sản, dệt may, giày dép của EU trong 4 tháng đầu năm nay giảm so với cùng kỳ năm 2020, ngoại trừ cao su. Cụ thể:

Nhập khẩu hàng rau quả và sản phẩm chế biến (Mã HS 07, 08, 20, không bao gồm hạt điều) của EU từ thị trường ngoại khối trong 4 tháng đầu năm 2021 đạt trên 10 tỷ EUR, giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, EU nhập khẩu hàng rau quả và sản phẩm chế biến từ Việt Nam đạt 45 triệu EUR, giảm 0,6%.

Nhập khẩu hàng may mặc (Mã HS 61, 62) của EU từ thị trường ngoại khối đạt 21,86 tỷ EUR, giảm 2,3% so với 4 tháng đầu năm 2020. Trong đó, EU nhập khẩu hàng dệt may từ Việt Nam tăng 1,9%, đạt 879 triệu USD. Tương tự, EU giảm nhập khẩu giày dép từ thị trường ngoại khối với mức giảm 9,1%, đạt 5,93 tỷ EUR. Nhưng EU lại tăng nhập khẩu mặt hàng giày dép từ Việt Nam với mức tăng 6,2%, đạt 1,316 tỷ EUR.

Qua số liệu phân tích trên có thể thấy, hàng hóa của Việt Nam đang dần tạo được chỗ đứng tại thị trường EU. Tốc độ nhập khẩu nhiều mặt hàng của EU từ thị trường Việt Nam tăng hoặc giảm thấp hơn so với tốc độ nhập khẩu nhiều mặt hàng từ thị trường ngoại khối. Như hàng may mặc và giày dép, EU giảm nhập khẩu từ thị trường ngoại khối, nhưng tăng nhập khẩu từ Việt Nam; mức giảm kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng như: hạt điều, rau quả, thủy sản, gạo của EU từ thị trường Việt Nam đều thấp hơn so với mức giảm nhập khẩu từ thị trường ngoài khối.

EU nhập khẩu một số mặt hàng và thị phần của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2021

Tên hàng	4 tháng 2021 (Triệu EUR)			So với 4 tháng 2020 (%)		
	Nhập khẩu ngoại khối	Nhập khẩu nội khối	Nhập khẩu từ Việt Nam	Nhập khẩu ngoại khối	Nhập khẩu nội khối	Nhập khẩu từ Việt Nam
Giày dép	5.931	10.658	1.316	-9,1	16,0	6,2
Dệt may	21.861	24.078	879	-2,3	17,4	1,9
Cà phê	2.411	1.948	264	-6,2	3,9	-32,2
Rau quả*	10.051	22.239	45	-6,5	-0,7	-0,6
Thủy sản	7.248	6.925	237	-7,6	6,3	-2,0
Hạt điều	255	132	193	-20,7	-3,1	-11,4
Cao su	1.518	2.019	51	10,4	9,3	25,5
Gạo	375	408	10	-12,5	-12,5	-11,0

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

(*) Số liệu hàng rau quả không bao gồm số liệu hạt điều

Trong các tháng cuối năm 2021, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sẽ được hỗ trợ nhờ sự phục hồi kinh tế của khu vực và Hiệp định EVFTA giúp hàng hóa của Việt Nam có lợi thế cạnh tranh cao hơn tại thị trường EU. Tuy nhiên, diễn biến phức tạp của đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 tại Việt Nam với nhiều ca lây nhiễm ở các khu công nghiệp, nhà máy đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sẽ có ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU trong ngắn hạn.

Về dài hạn, làn sóng dịch chuyển các nhà máy sản xuất sang Việt Nam sẽ kéo theo nhu cầu nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất. Đặc biệt, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU sẽ thúc đẩy hoạt động thương mại giữa hai nước. Khi tình hình dịch bệnh của hai bên được kiểm soát tốt, EU sẽ tăng xuất khẩu các mặt hàng nguyên, phụ liệu, dược phẩm, tiêu dùng sang Việt Nam và tăng nhập khẩu các mặt hàng dệt may, da giày và hàng nông, thủy sản.

THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TÍCH CỰC CÙNG HÀNH TRÌNH ĐƯA TRÁI VẢI ĐẾN TAY NGƯỜI TIÊU DÙNG CHÂU ÂU

Đầu tháng 6 năm 2021, những lô vải thiều Việt Nam đầu tiên được xuất khẩu chính ngạch vào thị trường Liên minh châu Âu (EU) theo Hiệp định EVFTA, bắt đầu là Cộng hòa Séc và sau đó là Pháp, Bỉ, Hà Lan đã đến tay người tiêu dùng châu Âu và được đón nhận hết sức tích cực. Trong hành trình này không thể không nhắc đến vai trò hỗ trợ hiệu quả của các cơ quan Thương vụ Việt Nam tại châu Âu với nhiều hoạt động quảng bá bài bản, kết nối trực tiếp với các nhà nhập khẩu và hệ thống phân phối tại địa bàn.

Từ đầu năm 2020, trong bối cảnh Hiệp định EVFTA đã được ký kết và đối diện với tình hình mới do dịch bệnh COVID-19, Bộ Công Thương đã có những chỉ đạo sát sao và định hướng hoạt động cụ thể tới các cơ quan Thương vụ Việt Nam nhằm tăng cường hỗ trợ tiếp cận và thâm nhập thị trường cho doanh nghiệp, sẵn sàng đương đầu với những thách thức để tìm hướng đi mới, phát triển thị phần cho hàng hóa Việt.

Theo đó, để hỗ trợ tìm đầu ra và xúc tiến nông sản sang EU, trong đó có trái vải tươi, ngay từ đầu vụ mùa Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU đã nhanh chóng tiến hành khảo sát nghiên cứu thị trường, từng bước giới thiệu quảng bá sản phẩm, hỗ trợ đưa hàng tiêu thụ tại các cửa hàng châu Á và phân phối tại các hệ thống siêu thị EU. Số liệu từ CBI cho thấy hàng năm riêng thị trường EU ước tính nhập khoảng từ 20.000 – 25.000 tấn/năm vải tươi một năm từ Madagasca (chiếm phần lớn thị phần), Nam Phi vào mùa đông và từ Thái Lan, Việt Nam, Trung Quốc, Israel vào mùa hè. Các nước có thói quen tiêu dùng và nhập khẩu trái vải tươi nhiều nhất là Pháp, Hà Lan, Bỉ, Anh, Đức, Séc... Trái vải Việt Nam vào mùa hè ngoài việc phải cạnh tranh với vải nhập khẩu từ Thái Lan, Trung Quốc còn phải cạnh tranh với nhiều hoa quả tươi khác đang vào mùa rộ ngay tại châu Âu với giá thành rẻ và tươi ngon. Tuy nhiên vải thiều Việt Nam được đánh giá cao hơn các loại vải khác vì mang hương vị độc đáo, khác lạ từ miền nhiệt đới với màu vỏ đẹp, độ ngọt đậm, cùi dày và hạt nhỏ. Thương vụ EU khuyến nghị để nông sản nhập khẩu vào EU một cách bền vững, doanh nghiệp cần tập trung nghiên cứu công tác bảo quản, đảm bảo trái cây Việt Nam có thể bảo quản trong vòng 3 tháng như trái cây của các nước khác khi vào EU.

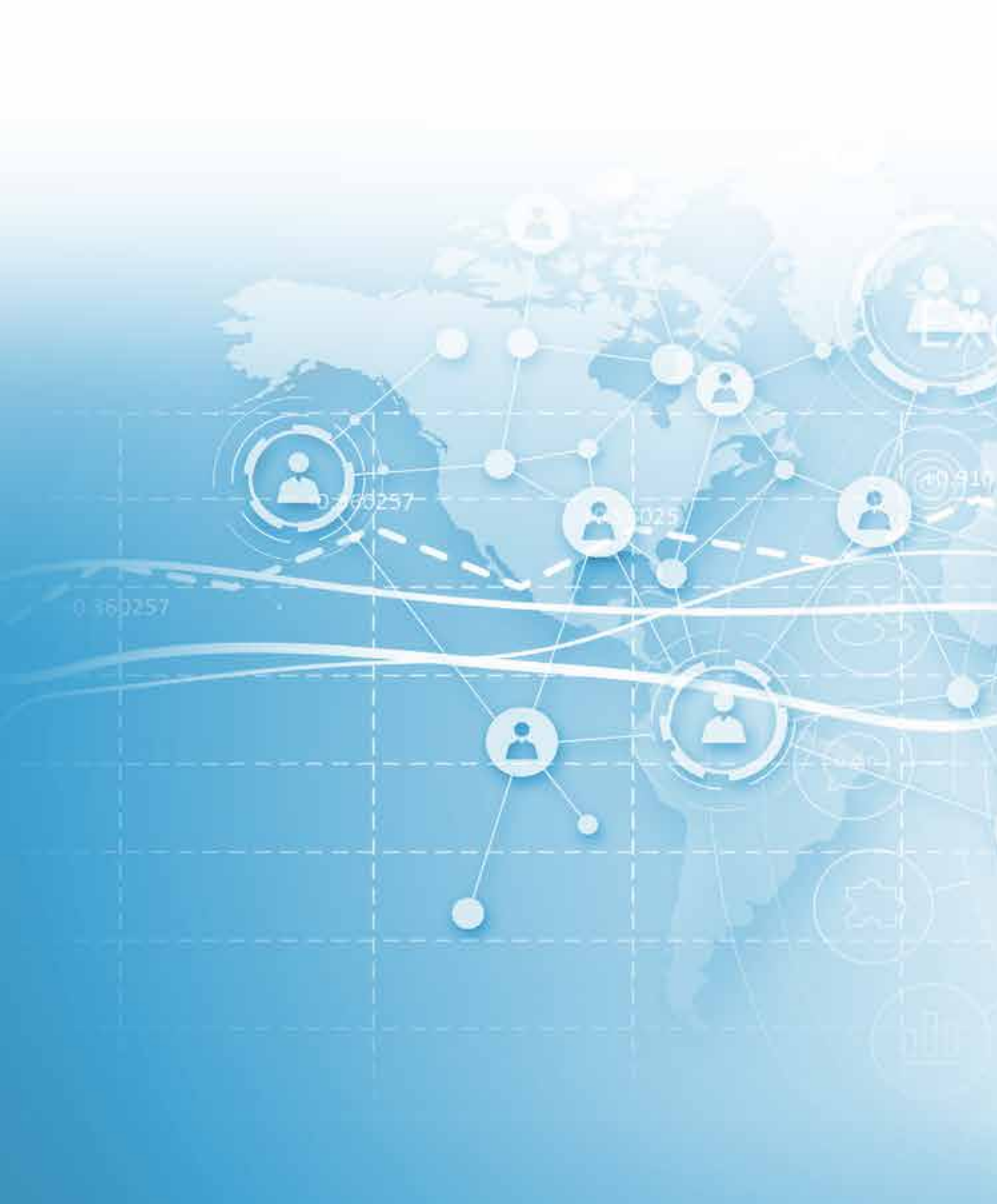
Cũng tại thị trường Pháp, để đẩy mạnh quảng bá và tiêu thụ loại hoa quả đặc sản nhiệt đới này, Thương vụ Việt Nam tại Pháp đã tổ chức gian hàng quảng bá vải thiều tại Lễ hội ẩm thực Việt Nam 2021 diễn ra vào trung tuần tháng sáu tại quảng trường Monge, trung tâm thủ đô Paris. Tham gia sự kiện, nhiều người tiêu dùng Pháp lần đầu tiên được khám phá hương vị thơm ngon của trái vải thiều Thanh Hà, Hải Dương. Cùng sự đồng hành của Thương vụ Pháp, những trái vải tươi cũng một lần nữa được quay lại kệ hàng của các siêu thị châu Á và được tiêu thụ thành công với số lượng lớn và giá thành cao. Cho đến nay, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã bước đầu

xây dựng được chuỗi cung ứng nông sản đạt chất lượng xuất khẩu vào các kênh phân phối tại thị trường Pháp và châu Âu.

Tại Hà Lan, Thương vụ Việt Nam tại Hà Lan cũng phối hợp với công ty LTP Import Export BV tổ chức Chương trình “Vietnam fresh golden lychees – Taste it, love it” tại siêu thị Thanh Hùng, thành phố Spijkenisse, Nam Hà Lan. Khách hàng đánh giá cao và tỏ ra hứng khởi khi được mua những trái vải Việt tươi ngon, chất lượng. Theo Tham tán thương mại Việt Nam tại Hà Lan chia sẻ việc đưa quả vải thiều Việt Nam sang Hà Lan gặp không ít khó khăn, đòi hỏi nỗ lực lớn từ cả các doanh nghiệp xuất khẩu lẫn đối tác nhập khẩu. Đây là lần đầu tiên quả vải tươi Việt Nam được nhập khẩu chính ngạch vào Hà Lan, và từ nước này phân phối cho các nước EU lân cận. Với kết quả tích cực từ thị trường, trái vải tươi của Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục thâm nhập tốt vào thị trường Hà Lan những vụ mùa tiếp theo.

Có thể thấy, với sự vào cuộc tích cực, chủ động của Thương vụ Việt Nam, cùng sự phối hợp đồng bộ của các bên đã góp phần đem lại thành công cho “thương vụ” vải tại châu Âu lần này và tương lai những loại trái cây chất lượng như vải, nhãn, thanh long... cũng như nông sản Việt nói chung sẽ có nhiều cơ hội tận dụng EVFTA mở rộng thị phần tại thị trường châu Âu. Mùa vụ năm nay, bước đầu trái vải đã tạo được ấn tượng tốt và thông đường vào các hệ thống phân phối hàng châu Á tại EU, do đó cần tiếp tục phát huy giữ vững hình ảnh, chất lượng và uy tín để mở rộng, thâm nhập vào các kênh phân phối lớn khác tại địa bàn. ***Tuy nhiên, do hệ thống kiểm dịch động thực vật và an toàn vệ sinh thực phẩm ở các nước châu Âu hết sức khắt khe, Vụ Thị trường châu Âu – châu Mỹ lưu ý các doanh nghiệp cần kiểm soát chặt chẽ chất lượng, truy xuất nguồn gốc, quản lý vùng trồng và áp dụng công nghệ hiện đại trong xử lý sau thu hoạch đảm bảo trái cây tươi lâu mà vẫn đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn nhập khẩu của EU. Đồng thời, chú trọng cải thiện bao bì, đóng gói sản phẩm phù hợp với thẩm mỹ và tập quán tiêu dùng tại châu Âu. Các doanh nghiệp Việt Nam cần chuyên nghiệp, năng động và quyết tâm hơn trong công tác quảng bá, xây dựng thương hiệu một cách bài bản nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển xuất khẩu theo hướng bền vững.***





Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ
Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại
Địa chỉ: 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tel: (024) 37152585
Fax: (024) 37152574